



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GIÁO DỤC
KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH
THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT,
NĂNG LỰC

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương
TRẦN THANH LÂM

Phó Chủ tịch Hội đồng

Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật
PHẠM MINH TUẤN

Thành viên

NGUYỄN HOÀI ANH
PHẠM THỊ THỊNH
NGUYỄN ĐỨC TÀI
TỔNG VĂN THANH

ThS. PHÙNG THỊ VÂN ANH
ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN
ThS. LẠI THỊ THU THÚY

GIÁO DỤC
KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH
THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT,
NĂNG LỰC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hiện nay, ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, nội dung giáo dục kỹ năng sống đã được đưa vào giảng dạy cho học sinh trong các cơ sở giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp trang bị cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết, phù hợp để học tập tốt hơn, và quan trọng là để thích ứng với những thay đổi của xã hội và giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong thực tiễn cuộc sống. Giáo dục ở Việt Nam đã và đang được đổi mới mạnh mẽ theo bốn trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI, đó là: học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình và học để cùng chung sống. Đó thực chất chính là cách tiếp cận kỹ năng sống.

Với mong muốn mang đến một cuốn cẩm nang hữu ích giúp các cơ sở giáo dục từ bậc mầm non tới trung học phổ thông thực hiện giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ nói chung, cho học sinh ở các cấp học nói riêng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và nhu cầu phát triển của người học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

xuất bản cuốn sách ***Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực*** do ThS. Phùng Thị Vân Anh, ThS. Nguyễn Thị Hương Lan, ThS. Lại Thị Thu Thủy biên soạn.

Nội dung của cuốn sách, ngoài phần phụ lục, bao gồm 3 phần: Phần thứ nhất trình bày một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, trong đó bao gồm các quan niệm về kỹ năng sống và tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống. Phần thứ hai trình bày mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và những nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Phần thứ ba giới thiệu các phương pháp, kỹ thuật dạy kỹ năng sống cho học sinh, các bước thực hiện một bài dạy học có giáo dục kỹ năng sống, và một số hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, bao gồm tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần thứ nhất

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ NĂNG SỐNG
VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH**

I. QUAN NIỆM VỀ KỸ NĂNG SỐNG

1. Khái niệm

Kỹ năng sống là khả năng của cá nhân bộc lộ qua việc giải quyết hiệu quả các tình huống trong cuộc sống. Kỹ năng sống không tự nhiên có được mà phải hình thành dần từ quá trình học tập, lĩnh hội, trải nghiệm, rèn luyện trong cuộc sống. Quá trình hình thành kỹ năng sống diễn ra cả trong và ngoài hệ thống giáo dục. Kỹ năng sống vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. Bởi vì, kỹ năng sống là khả năng của cá nhân nhưng phụ thuộc vào các giai đoạn phát triển lịch sử xã hội, chịu ảnh hưởng của truyền thống và văn hóa của gia đình, cộng đồng, dân tộc.

Tại nhiều nước phương Tây, thanh thiếu niên đã được học kỹ năng xử lý những tình huống sẽ

xảy ra trong cuộc sống, cách đối diện, đương đầu với những khó khăn, và cách vượt qua những khó khăn đó cũng như cách tránh những mâu thuẫn, xung đột, bạo lực giữa người và người. Tại Hàn Quốc, học sinh tiểu học được học cách đối phó thích ứng với các tai nạn như cháy nổ, động đất, thiên tai,...

Tại Việt Nam, từ những năm 1995-1996, thuật ngữ “Kỹ năng sống” bắt đầu xuất hiện, thông qua Dự án “Giáo dục kỹ năng sống để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường” do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện. Từ đó, nhiều cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đã tiến hành giáo dục kỹ năng sống gắn với giáo dục các vấn đề xã hội như: phòng, chống ma túy; phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em; phòng, chống tai nạn thương tích, bảo vệ môi trường...

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), kỹ năng sống là khả năng để có hành vi thích ứng (adaptive) và tích cực (positive), giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày.

Quan niệm này nhấn mạnh khả năng của cá nhân có thể duy trì trạng thái tinh thần và biết thích nghi tích cực khi tương tác với người khác và với môi trường của mình. Quan niệm này mang

tính khái quát nhưng chưa thể hiện rõ các kỹ năng cụ thể.

Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, kỹ năng sống là cách tiếp cận giúp thay đổi hoặc hình thành hành vi mới. Cách tiếp cận này lưu ý sự cân bằng về tiếp thu kiến thức, hình thành thái độ và kỹ năng. Vì kỹ năng không hình thành, tồn tại một cách độc lập mà hình thành, tồn tại trong mối tương tác mật thiết có sự cân bằng với kiến thức và thái độ. Kỹ năng mà một người có được phần lớn cũng nhờ có được kiến thức (ví dụ: muốn có kỹ năng thương lượng phải biết thương lượng là gì, nội dung thương lượng cụ thể, từ đó lựa chọn các cách thức thương lượng phù hợp, hiệu quả). Việc đề cập thái độ cũng là một góc nhìn hữu ích vì thái độ có tác động mạnh mẽ đến kỹ năng (ví dụ, thái độ kì thị khó làm cho một người thực hiện tốt kỹ năng biết thể hiện sự tôn trọng với người khác).

Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) khẳng định, kỹ năng sống gắn với bốn trụ cột giáo dục, đó là:

- Học để biết (Learning to know) gồm các kỹ năng tư duy như: kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng nhận thức được hậu quả...

- Học để làm người (Learning to be) gồm các kỹ năng cá nhân như: kỹ năng ứng phó với căng thẳng, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng tự nhận thức,...

- Học để sống với người khác (Learning to live together) gồm các kỹ năng xã hội như: kỹ năng giao tiếp thương lượng, kỹ năng tự khẳng định, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thể hiện sự cảm thông,...

- Học để làm (Learning to do) gồm các kỹ năng thực hiện công việc và các nhiệm vụ như: kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng đảm nhận trách nhiệm...

Kỹ năng sống (life skills) là một tập hợp các kỹ năng mà con người có được thông qua giảng dạy hoặc kinh nghiệm trực tiếp được sử dụng để xử lý những vấn đề, câu hỏi thường gặp trong cuộc sống hằng ngày; trong đó, bao gồm cả kỹ năng sống còn, kỹ năng cứng (liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ), kỹ năng mềm (liên quan đến kỹ năng cá nhân và xã hội) và kỹ năng xã hội (chủ yếu là kỹ năng tương tác xã hội). Bản chất của kỹ năng sống là kỹ năng tự quản lý bản thân và kỹ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Nói cách khác, kỹ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của mỗi người, khả năng ứng xử phù hợp với người khác và xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

Như vậy, có nhiều cách định nghĩa khác nhau, dựa trên những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu kỹ năng sống. Tuy nhiên, các thuật ngữ đều thống nhất trên nội dung cơ bản về năng lực, về tính hiệu quả trong giải quyết các vấn đề cụ thể trong cuộc sống.

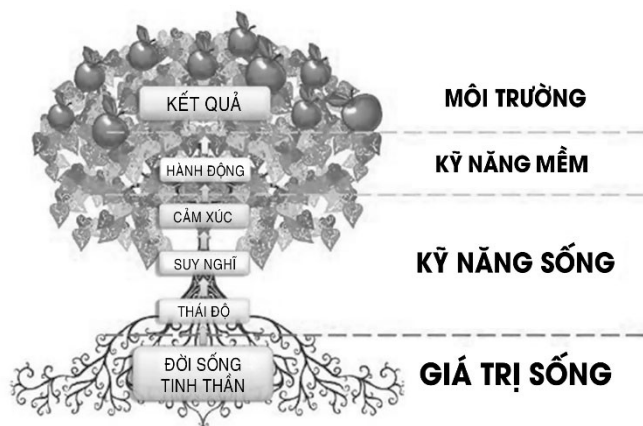
Giáo dục kỹ năng sống là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của các nhà giáo dục lên đối tượng được giáo dục nhằm hình thành và phát triển ở người học khả năng giải quyết hiệu quả các tình huống trong cuộc sống hàng ngày.

2. Mối quan hệ giữa kỹ năng sống và giá trị sống

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “Giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó”¹. Theo đó, giá trị sống được hiểu là những giá trị thuộc về tư tưởng, lối sống, chuẩn mực đạo đức được cộng đồng thừa nhận và bảo tồn, gìn giữ liên tục từ đời trước sang đời sau và luôn được bổ sung qua tính truyền thống và mở cửa của văn hóa Việt Nam. Từ đó giúp cho cá nhân điều chỉnh hành vi của mình, vì hạnh phúc cá nhân, vì ổn định và phát triển cộng đồng xã hội. Biểu hiện

1. Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2003, tr.401.

ở quan điểm sống, mục đích sống, động cơ, thái độ lựa chọn các hoạt động và các mối quan hệ trong cuộc sống.



Như vậy, giá trị sống là những điều quý giá, quan trọng, có ý nghĩa đối với mỗi con người. Nó trở thành gốc rễ có ý nghĩa định hướng và là động lực để mỗi người suy nghĩ và hành động tích cực.

Theo UNESCO, có 12 giá trị sống là: Hoà bình, Tôn trọng, Hợp tác, Trách nhiệm, Trung thực, Khiêm tốn, Giản dị, Khoan dung, Đoàn kết, Yêu thương, Tự do, Hạnh phúc. Trong đó:

Hoà bình được hiểu không phải chỉ là sự đối lập với chiến tranh, mà bao hàm sự hoà thuận,

không tranh đấu với nhau và trong chính bản thân mỗi người. Hoà bình là sống với sự tĩnh lặng và thư thái của tâm hồn. Khi đó, con người có thể bình tâm, sáng tạo để hiểu và tìm ra những điều mới mẻ trong mối quan hệ hợp tác với mọi người.

Tôn trọng là nhận biết được giá trị của bản thân và thừa nhận giá trị của người khác, là cơ sở để tin cậy lẫn nhau.

Hợp tác là biết làm việc cùng nhau và cùng hướng về mục tiêu chung. Hợp tác chỉ hiệu quả trên nguyên tắc yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.

Trách nhiệm là tinh thần, thái độ nghiêm túc và nỗ lực hết mình, sẵn sàng đóng góp công sức vào công việc chung.

Trung thực là nói lên sự thật. Trung thực được thể hiện ở sự thống nhất trong tư tưởng, lời nói và hành động. Trung thực đem đến sự tin cậy, hoà bình.

Khiêm tốn là nhận biết đúng khả năng, ưu thế của mình nhưng không khoe khoang. Khiêm tốn thể hiện qua cách nói năng, hành động, ứng xử, việc làm. Khiêm tốn gắn liền với lòng tự trọng. Khi khiêm tốn, mọi người sẽ nhận được sự lắng nghe, chia sẻ và sự tôn trọng của những người xung quanh.

Giản dị là cách sống tự nhiên, không giả tạo. Giản dị là hiểu rõ và tôn trọng giá trị của những vật chất dù nhỏ bé nhất trong cuộc sống.

Khoan dung là không cố chấp mà tha thứ cho những lỗi lầm của chính mình và người khác; cởi mở và chấp nhận sự khác biệt. Khi thấy được giá trị của người khác và nhìn thấy những điều tích cực trong mọi tình huống là khi đó có được sự khoan dung.

Đoàn kết là sự hoà thuận giữa các cá nhân trong một tập thể. Đoàn kết có được do sự hợp tác, yêu thương, chia sẻ, tự trọng, khoan dung, trách nhiệm.

Yêu thương thể hiện qua sự lắng nghe, quan tâm, chia sẻ, cảm thông, mong muốn điều tốt đẹp đến với người khác. Yêu thương là khi biết đánh giá người khác một cách tích cực. Yêu thương là cơ sở xây dựng và duy trì các mối quan hệ chân thành, lâu bền.

Tự do không phải là không có giới hạn. Tự do chỉ thực sự có được khi quyền được cân bằng với trách nhiệm trên nguyên tắc bình đẳng: cá nhân được tôn trọng, đồng thời mỗi cá nhân có trách nhiệm tôn trọng người khác.

Hạnh phúc là sự bình an của tâm hồn, thoải mái và vui vẻ với những điều mình có, mang lại

năng lượng sống tích cực cho mình và những người xung quanh.

Giá trị sống là nền tảng để giáo dục kỹ năng sống. Và kỹ năng sống là giá trị sống được thể hiện bằng hành động. Kỹ năng sống được thể hiện hiệu quả sẽ củng cố các giá trị sống.

3. Phân loại kỹ năng sống

Có nhiều cách phân loại kỹ năng sống xuất phát từ các quan niệm khác nhau về kỹ năng sống. Mỗi cách phân loại đều có tính tương đối.

Theo UNESCO, UNICEF và WHO, kỹ năng sống gồm các kỹ năng cốt lõi sau:

- Kỹ năng giải quyết vấn đề (problem solving skills);
- Kỹ năng suy nghĩ/tư duy phê phán (critical thinking skills);
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả (effective communication skills);
- Kỹ năng ra quyết định (decision - making skills);
- Kỹ năng tư duy sáng tạo (creative thinking skills);
- Kỹ năng giao tiếp ứng xử cá nhân (interpersonal relationship skills);

- Kỹ năng tự nhận thức (self-awareness skills), kỹ năng xây dựng lòng tự trọng và tự tin của bản thân (self-esteem and self-confidence skills), kỹ năng xác định giá trị (value analysis skills).

Trong khi đó, ở Vương quốc Anh, kỹ năng sống được chia thành 6 nhóm chính là:

- Kỹ năng hợp tác nhóm;
- Kỹ năng tự quản;
- Kỹ năng tham gia hiệu quả;
- Kỹ năng suy nghĩ (tư duy) bình luận, phê phán;
- Kỹ năng suy nghĩ sáng tạo;
- Kỹ năng nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

Trên thực tế, các kỹ năng sống thường không hoàn toàn tách rời nhau mà có liên quan chặt chẽ với nhau. Ví dụ, khi cần ra quyết định một cách phù hợp thì các kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng xác định giá trị,... thường được vận dụng. Hay để giao tiếp hiệu quả, cần phối hợp những kỹ năng như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng thương lượng, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng cảm thông, chia sẻ, kỹ năng kiểm chế, đương đầu với cảm xúc,... Hoặc để đạt được mục tiêu, cần phối hợp các kỹ năng sau: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tư duy

phê phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...

Những năm vừa qua, trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực trạng giáo dục kỹ năng sống trong nước, căn cứ vào mối quan hệ giữa các kỹ năng, Việt Nam phân loại kỹ năng sống thành ba nhóm, mỗi nhóm bao gồm các kỹ năng sống cơ bản, cần thiết sau:

3.1. Nhóm các kỹ năng nhận biết và sống với chính mình

3.1.1. Kỹ năng tự nhận thức

Tự nhận thức là tự mình nhìn nhận, tự đánh giá về bản thân.

Kỹ năng tự nhận thức là khả năng con người hiểu về chính bản thân mình, như: cơ thể, tư tưởng, các mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tình cảm, sở



thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu,... của bản thân mình; quan tâm và luôn ý thức được mình đang làm gì, kể cả nhận ra lúc bản thân đang cảm thấy căng thẳng.

Tự nhận thức là một kỹ năng sống rất cơ bản của con người, là nền tảng để con người giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với người khác cũng như để có thể cảm thông được với người khác. Ngoài ra, có hiểu đúng về mình, con người mới có thể đưa ra được những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng của bản thân, với điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Ngược lại, đánh giá không đúng về bản thân có thể dẫn con người đến những hạn chế, sai lầm, thất bại trong cuộc sống và trong giao tiếp với người khác.

Kỹ năng tự nhận thức liên quan và có sự phối hợp với các kỹ năng sống khác, như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng thể hiện sự tự tin. Để tự nhận thức đúng về bản thân cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là trong giao tiếp với người khác.

3.1.2. Kỹ năng xác định giá trị

Giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống của bản thân trong cuộc sống. Giá trị có thể là những chuẩn mực đạo đức, những chính kiến, thái độ, và thậm chí là thành kiến đối với một điều gì đó...

Giá trị có thể là giá trị vật chất hoặc giá trị tinh thần, có thể thuộc các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, đạo đức, kinh tế,...

Mỗi người đều có một hệ thống giá trị riêng. Kỹ năng xác định giá trị là khả năng con người hiểu rõ được những giá trị của bản thân mình. Kỹ năng xác định giá trị có ảnh hưởng lớn đến quá trình ra quyết định của mỗi người. Kỹ năng này còn giúp mọi người biết tôn trọng người khác, biết chấp nhận rằng người khác có những giá trị và niềm tin khác với mình.

Giá trị không phải là bất biến mà có thể thay đổi theo thời gian, theo các giai đoạn trưởng thành của con người. Giá trị phụ thuộc vào giáo dục, nền văn hóa, môi trường sống, học tập và làm việc của cá nhân,...

3.1.3. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc

Kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận thức rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và đối với người khác thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc còn có nhiều tên gọi khác: xử lý cảm xúc, kiểm chế cảm xúc, làm chủ cảm xúc, quản lý cảm xúc.

Một người biết kiểm soát cảm xúc thì sẽ góp phần giảm căng thẳng, giúp giao tiếp và thương lượng hiệu quả hơn, giải quyết mâu thuẫn một cách hài hòa và mang tính xây dựng hơn, giúp ra quyết định và giải quyết vấn đề tốt hơn.

Kỹ năng kiểm soát cảm xúc cần sự kết hợp với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ứng xử với người khác và kỹ năng ứng phó với căng thẳng, đồng thời góp phần củng cố các kỹ năng này.

3.1.4. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng

Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường gặp những tình huống gây căng thẳng cho bản thân. Tuy nhiên, có những tình huống có thể gây căng thẳng cho người này nhưng lại không gây căng thẳng cho người khác và ngược lại.

Khi bị căng thẳng, mỗi người có tâm trạng, cảm xúc khác nhau: cũng có khi là những cảm xúc tích cực nhưng thường là những cảm xúc tiêu cực, gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người. Ở một mức độ nào đó, khi một cá nhân có khả năng đương đầu với căng thẳng thì đó có thể là một tác động tích cực, tạo sức ép buộc cá nhân đó phải tập trung vào công việc của mình, bứt phá thành công. Nhưng mặt khác, sự căng thẳng còn có một sức mạnh hủy diệt cuộc sống

cá nhân nếu căng thẳng đó quá lớn, kéo dài và không giải tỏa nổi.

Khi bị căng thẳng, tùy từng tình huống, mỗi người có thể có cách ứng phó khác nhau. Cách ứng phó tích cực hay tiêu cực khi căng thẳng phụ thuộc vào cách suy nghĩ tích cực hay tiêu cực của cá nhân trong tình huống đó.

Kỹ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng.

Chúng ta cũng có thể hạn chế những tình huống căng thẳng bằng cách sống và làm việc điều độ, có kế hoạch, thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, sống vui vẻ, chan hòa, tránh gây mâu thuẫn không cần thiết với mọi người xung quanh, không đặt ra cho mình những mục tiêu quá cao so với điều kiện và khả năng của bản thân,...

Kỹ năng ứng phó với căng thẳng rất quan trọng, giúp con người:

- Biết suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi căng thẳng.

- Duy trì được trạng thái cân bằng, không làm tổn hại sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân.

- Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, không làm ảnh hưởng đến những người xung quanh.

Kỹ năng ứng phó với căng thẳng có được nhờ sự kết hợp của các kỹ năng sống khác như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xử lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ và kỹ năng giải quyết vấn đề.

3.1.5. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ

Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta gặp phải những vấn đề, tình huống cần đến sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người khác. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, bao gồm các yếu tố sau:

- Ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ.
- Biết xác định được những địa chỉ đáng tin cậy.
- Tự tin và biết tìm đến các địa chỉ đó.
- Biết bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp.

Khi tìm đến các địa chỉ cần hỗ trợ, chúng ta cần:

- Cư xử đúng mực và tự tin.
- Cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, ngắn gọn.
- Giữ bình tĩnh khi gặp sự cố đối xử thiếu thiện chí. Nếu vẫn cần sự hỗ trợ của người thiếu thiện

chí, cố gắng tỏ ra bình thường, kiên nhẫn nhưng không sợ hãi.

- Nếu bị cự tuyệt, đừng nản chí, hãy kiên trì tìm kiếm sự hỗ trợ từ các địa chỉ khác, người khác.

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp chúng ta có thể nhận được những lời khuyên, sự can thiệp cần thiết để tháo gỡ, giải quyết những vấn đề khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lý do bị dồn nén cảm xúc. Biết tìm kiếm sự hỗ trợ kịp thời sẽ giúp cá nhân không cảm thấy đơn độc, bị quan, và trong nhiều trường hợp, giúp chúng ta có cái nhìn mới và hướng đi mới.

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, rất cần thiết để giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn và ứng phó với căng thẳng. Đồng thời để phát huy hiệu quả của kỹ năng này, cần kết hợp kỹ năng lắng nghe, khả năng phân tích thấu đáo ý kiến tư vấn, kỹ năng ra quyết định lựa chọn cách giải quyết tối ưu sau khi được tư vấn.

3.1.6. Kỹ năng thể hiện sự tự tin

Tự tin nghĩa là có niềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tin rằng mình có thể trở thành một người có ích và tích cực, có niềm tin về tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ.

Kỹ năng thể hiện sự tự tin giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn, mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình, quyết đoán trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề, thể hiện sự kiên định, đồng thời cũng giúp người đó có suy nghĩ tích cực và lạc quan trong cuộc sống.

Kỹ năng thể hiện sự tự tin là yếu tố cần thiết trong giao tiếp, thương lượng, ra quyết định, đảm nhận trách nhiệm.

3.1.7. Kỹ năng kiên định

Kỹ năng kiên định là khả năng con người nhận thức được những gì mình muốn và lí do dẫn đến sự mong muốn đó. Kiên định còn là khả năng tiến hành các bước cần thiết để đạt được những gì mình muốn trong những hoàn cảnh cụ thể, dung hòa được giữa quyền, nhu cầu của mình với quyền, nhu cầu của người khác.

Kiên định khác với hiếu thắng, nghĩa là luôn chỉ nghĩ đến quyền và nhu cầu của bản thân, bằng mọi cách để thỏa mãn nhu cầu của mình, không quan tâm đến quyền và nhu cầu của người khác.

Thể hiện tính kiên định trong mọi hoàn cảnh là cần thiết song cần có cách thức khác nhau để thể hiện sự kiên định đối với từng đối tượng khác nhau.

Khi cần kiên định trước một tình huống/vấn đề, chúng ta cần:

- Nhận thức được cảm xúc của bản thân.
- Phân tích, phê phán hành vi của đối tượng.
- Khẳng định ý muốn của bản thân bằng cách thể hiện thái độ, lời nói và hành động mang tính tích cực, mềm dẻo, linh hoạt và tự tin.

Kỹ năng kiên định sẽ giúp chúng ta tự bảo vệ được chính kiến, quan điểm, thái độ và những quyết định của bản thân, đứng vững trước những áp lực tiêu cực của những người xung quanh. Ngược lại, nếu không có kỹ năng kiên định, con người sẽ bị mất tự chủ, bị xúc phạm, mất lòng tin, luôn bị người khác điều khiển hoặc luôn cảm thấy tức giận và thất vọng. Kỹ năng kiên định giúp cá nhân giải quyết vấn đề và thương lượng có hiệu quả.

Để có kỹ năng kiên định, con người cần xác định được các giá trị của bản thân, đồng thời phải kết hợp tốt với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng thể hiện sự tự tin và kỹ năng giao tiếp.

3.1.8. Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm

Đảm nhận trách nhiệm là khả năng con người thể hiện sự tự tin, chủ động và ý thức cùng chia sẻ công việc với các thành viên khác trong nhóm. Khi

đảm nhận trách nhiệm, cần dựa trên những điểm mạnh, tiềm năng của bản thân, đồng thời tìm kiếm thêm sự giúp đỡ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Khi các thành viên trong nhóm có kỹ năng đảm nhận trách nhiệm sẽ tạo được một không khí hợp tác tích cực và có tính xây dựng trong nhóm, giúp giải quyết vấn đề, đạt được mục tiêu chung của cả nhóm, đồng thời tạo sự thỏa mãn và thăng tiến cho mỗi thành viên.

Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm có liên quan đến kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng thể hiện sự cảm thông, kỹ năng hợp tác và kỹ năng giải quyết vấn đề.

3.1.9. Kỹ năng đặt mục tiêu

Mục tiêu là cái đích mà chúng ta muốn đạt tới trong một khoảng thời gian hoặc một công việc nào đó. Mục tiêu có thể về nhận thức, hành vi hoặc thái độ.

Kỹ năng đặt mục tiêu là khả năng của con người biết đề ra mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống cũng như lập kế hoạch để thực hiện được mục tiêu đó.

Mục tiêu có thể được đặt ra trong một khoảng thời gian ngắn, như một ngày, một tuần (mục tiêu ngắn hạn). Mục tiêu cũng có thể cho một thời

gian dài như một năm hoặc nhiều năm (mục tiêu dài hạn).

Kỹ năng đặt mục tiêu giúp chúng ta sống có mục đích, có kế hoạch và có khả năng thực hiện được mục tiêu của mình.

Muốn đạt được mục tiêu, cần phải lưu ý đến những yêu cầu sau:

- Mục tiêu phải được thể hiện bằng những ngôn từ cụ thể; trả lời được những câu hỏi như: Ai? Thực hiện cái gì? Trong thời gian bao lâu? Thời điểm hoàn thành mục tiêu là khi nào?

- Khi viết mục tiêu, cần tránh sử dụng các từ chung chung, tốt nhất là đề ra những việc cụ thể, có thể lượng hóa được.

- Mục tiêu đặt ra cần phải thực tế và có thể thực hiện được; không nên đặt ra những mục tiêu quá khó so với khả năng và điều kiện của bản thân.

- Xác định được những công việc, những biện pháp cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu.

- Xác định được những thuận lợi đã có, những địa chỉ có thể hỗ trợ về từng mặt.

- Xác định được những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình thực hiện mục tiêu và các biện pháp cần phải làm để vượt qua những khó khăn đó.

- Có thể chia nhỏ mục tiêu theo từng mốc thời gian thực hiện.

Kỹ năng đặt mục tiêu được dựa trên kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...

3.1.10. Kỹ năng quản lý thời gian

Kỹ năng quản lý thời gian là khả năng con người biết sắp xếp các công việc theo thứ tự ưu tiên, biết tập trung vào giải quyết công việc trọng tâm trong một thời gian nhất định.

Kỹ năng này rất cần thiết cho việc giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, đặt mục tiêu và đạt được mục tiêu đó; đồng thời giúp con người tránh được căng thẳng do áp lực công việc.

Quản lý thời gian là một trong những kỹ năng quan trọng trong nhóm kỹ năng làm chủ bản thân. Quản lý thời gian tốt góp phần rất quan trọng vào sự thành công của cá nhân và của nhóm.

3.2. Nhóm các kỹ năng nhận biết và sống với người khác

3.2.1. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp với hoàn cảnh và

văn hóa, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bài tỏ ý kiến bao gồm bày tỏ về suy nghĩ, ý tưởng, nhu cầu, mong muốn và cảm xúc, đồng thời nhờ sự giúp đỡ và sự tư vấn cần thiết.

Kỹ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả, cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác. Kỹ năng này giúp chúng ta có mối quan hệ tích cực với người khác, bao gồm biết gìn giữ mối quan hệ tích cực với các thành viên trong gia đình - nguồn hỗ trợ quan trọng cho mỗi chúng ta, đồng thời biết cách xây dựng mối quan hệ với bạn bè mới và đây là yếu tố rất quan trọng đối với niềm vui cuộc sống. Kỹ năng này cũng giúp kết thúc các mối quan hệ khi cần thiết một cách xây dựng.

Để quá trình giao tiếp có hiệu quả, mỗi người cần:

- Tôn trọng nhu cầu của đối tượng khi giao tiếp.
- Tự đặt mình vào địa vị của người khác.
- Chăm chú lắng nghe khi đối thoại.
- Lựa chọn cách nói sao cho phù hợp với người nghe.
- Kết hợp giữa lời nói với cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt,... để tạo ra sự hấp dẫn đối với người khác khi giao tiếp.



Nguồn: Internet.

- Chân thành, cầu thị, luôn tìm ra những điểm tốt, điểm mạnh của người khác để học tập.
- Luôn vui vẻ, hoà nhã khi giao tiếp.

Kỹ năng giao tiếp là yếu tố cần thiết cho nhiều kỹ năng khác, như kỹ năng bày tỏ sự cảm thông, kỹ năng thương lượng, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng kiểm soát cảm xúc. Người có kỹ năng giao tiếp tốt là người biết dung hòa với mong đợi của những người khác, biết cách ứng xử khi làm việc cùng hoặc sinh hoạt cùng với những người khác trong môi trường tập thể, biết quan tâm đến những điều người khác quan tâm và trong khả năng có thể giúp họ đạt được những điều mà họ mong muốn một cách chính đáng.

3.2.2. Kỹ năng lắng nghe tích cực

Lắng nghe tích cực là một phần quan trọng của kỹ năng giao tiếp. Người có kỹ năng lắng nghe tích cực biết thể hiện sự tập trung chú ý và thể hiện sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác (bằng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười), biết cho ý kiến phản hồi mà không vội đánh giá, đồng thời có đối đáp hợp lý trong quá trình giao tiếp.

Người có kỹ năng lắng nghe tích cực thường được nhìn nhận là người biết tôn trọng và quan tâm đến ý kiến của người khác, nhờ đó giúp cho việc giao tiếp, thương lượng và hợp tác của họ hiệu quả hơn. Lắng nghe tích cực cũng góp phần giải quyết mâu thuẫn một cách hài hòa và xây dựng.

Lắng nghe tích cực là yếu tố cần thiết để quá trình giao tiếp có hiệu quả. Mỗi người cần biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của những người khác khi họ đang nói, bằng cách:

- Im lặng, tạo điều kiện để cho người nói cảm thấy thoải mái.

- Thể hiện sự đồng cảm, chăm chú lắng nghe bằng cách: nhìn chăm chú, nghiêng đầu, gật đầu, mỉm cười, đặt câu hỏi.

- Kiểm chế những biểu hiện tiêu cực (sốt ruột, không chú ý vào câu chuyện, nhìn đi chỗ khác...),

không ngắt lời, để người nói bày tỏ suy nghĩ, cảm tưởng của họ. Trong trường hợp buộc phải ngắt lời thì phải xin lỗi và hẹn họ sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện vào một dịp khác.

Kỹ năng lắng nghe tích cực có quan hệ mật thiết với kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng, kỹ năng hợp tác, kỹ năng kiểm soát cảm xúc và kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.

3.2.3. Kỹ năng thể hiện sự cảm thông

Thể hiện sự cảm thông là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác vốn đã rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu rõ cảm xúc và tình cảm của người khác và cảm thông với hoàn cảnh hoặc nhu cầu của người đó.

Kỹ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử với người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa, đa sắc tộc. Kỹ năng thể hiện sự cảm thông cũng giúp khuyến khích thái độ quan tâm và hành vi thân thiện, gần gũi với những người cần sự giúp đỡ.

Kỹ năng thể hiện sự cảm thông được dựa trên kỹ năng tự nhận thức và kỹ năng xác định giá trị, đồng thời là yếu tố cần thiết đối với kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết

mâu thuẫn, kỹ năng thương lượng, kỹ năng kiên định và kỹ năng kiểm soát cảm xúc.

3.2.4. Kỹ năng thương lượng

Thương lượng là khả năng trình bày suy nghĩ, phân tích và giải thích, đồng thời có thảo luận để đạt được một sự điều chỉnh và thống nhất về cách suy nghĩ, cách làm hoặc một vấn đề gì đó.

Kỹ năng thương lượng bao gồm nhiều yếu tố của kỹ năng giao tiếp, như lắng nghe, bày tỏ suy nghĩ và một phần quan trọng của giải quyết vấn đề và giải quyết mâu thuẫn. Một người có kỹ năng thương lượng tốt sẽ giúp giải quyết vấn đề hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn một cách xây dựng và có lợi cho tất cả các bên.

Kỹ năng thương lượng có liên quan đến sự tự tin, tính kiên định, sự cảm thông, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và khả năng thỏa hiệp những vấn đề không có tính nguyên tắc của bản thân.

3.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn

Mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng, bất bình với một hay nhiều người về một vấn đề nào đó.

Mâu thuẫn trong cuộc sống hết sức đa dạng, thường bắt nguồn từ sự khác nhau về quan điểm, chính kiến, lối sống, tín ngưỡng, tôn giáo, văn

hóa,... Mâu thuẫn thường có ảnh hưởng tiêu cực tới mối quan hệ của các bên.

Có nhiều cách giải quyết mâu thuẫn. Mỗi người sẽ có cách giải quyết mâu thuẫn riêng tùy thuộc vào vốn hiểu biết, quan niệm, văn hóa và cách ứng xử cũng như khả năng phân tích tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn.

Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thỏa mãn được nhu cầu và quyền lợi của các bên và giải quyết cả mối quan hệ giữa các bên một cách hòa bình.

Yêu cầu trước hết của kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là phải luôn kiềm chế cảm xúc, tránh bị kích động, nóng vội, giữ bình tĩnh trước mọi sự việc để tìm ra nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn cũng như tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là một dạng đặc biệt của kỹ năng giải quyết vấn đề. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn cần được sử dụng kết hợp với nhiều kỹ năng liên quan khác, như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng ra quyết định...

3.2.6. Kỹ năng hợp tác

Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ

trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung.

Kỹ năng hợp tác là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Biểu hiện của người có kỹ năng hợp tác:

- Tôn trọng mục đích, mục tiêu hoạt động chung của nhóm; tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết.

- Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.

- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm; đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.

- Nỗ lực phát huy năng lực, sở trường của bản thân để hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được phân công. Đồng thời biết hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác trong quá trình hoạt động.

- Biết cùng cả nhóm đồng cam cộng khổ vượt qua những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành mục đích, mục tiêu hoạt động chung.

- Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.

Có kỹ năng hợp tác là một yêu cầu quan trọng đối với người công dân trong một xã hội hiện đại, bởi vì:

- Mỗi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Sự hợp tác trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất, vượt qua khó khăn, đem lại chất lượng và hiệu quả cao hơn cho công việc chung.

- Trong xã hội hiện đại, lợi ích của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đều phụ thuộc vào nhau, ràng buộc lẫn nhau; mỗi người như một chi tiết của một cỗ máy lớn, phải vận hành đồng bộ, nhịp nhàng, không thể hành động đơn lẻ.

- Kỹ năng hợp tác còn giúp cá nhân sống hài hòa và tránh xung đột trong các mối quan hệ với những người khác.

Để có được sự hợp tác hiệu quả, chúng ta còn cần vận dụng tốt nhiều kỹ năng sống khác, như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thể hiện sự cảm thông, kỹ năng đảm nhận trách nhiệm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng kiên định, kỹ năng ứng phó với căng thẳng...

3.2.7. Kỹ năng từ chối

Có rất nhiều tình huống trong cuộc sống có thể

dẫn tới các hậu quả, tác động xấu. Khi đó, chúng ta cần có kỹ năng từ chối để tự bảo vệ mình và tránh những hậu quả tiêu cực.

Từ chối là quyền của mỗi con người. Từ chối khẳng định tính kiên định và bản lĩnh của một con người. Khi từ chối những lời kéo hoặc đề nghị sai trái, chúng ta sẽ tự bảo vệ được bản thân, gia đình, cộng đồng trước những hành vi nguy cơ hoặc hành vi có hại.

Để từ chối, chúng ta cần thực hiện:

- Xác định được tình huống/hành động cần phải từ chối, dẫn đến các biểu hiện tiêu cực.

- Xác định rõ cảm xúc/tâm trạng của mình về tình huống hoặc hành động đó.

- Nghĩ về các hậu quả khi thực hiện hành động đó.

- Đưa ra các hành động thay thế.

- Ra quyết định “từ chối”.

- Thực hiện “từ chối”.

Trong những hoàn cảnh cụ thể, có nhiều cách để từ chối, có thể “từ chối thẳng”, “trì hoãn” và “thương lượng”.

Để từ chối hiệu quả, chúng ta cần phối hợp nhiều kỹ năng quan trọng, như: kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng kiên định, kỹ năng giao tiếp và duy trì bản lĩnh của mỗi cá nhân.

3.3. Nhóm các kỹ năng ra quyết định một cách có hiệu quả

3.3.1. Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin

Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin là một kỹ năng sống quan trọng giúp con người có thể có được những thông tin cần thiết một cách đầy đủ, khách quan, chính xác, kịp thời.

Để tìm kiếm và xử lý thông tin, chúng ta cần:

- Xác định rõ chủ đề mà mình cần tìm kiếm thông tin là chủ đề gì.

- Xác định các loại thông tin về chủ đề mà mình cần phải tìm kiếm là gì.

- Xác định các nguồn/các địa chỉ tin cậy có thể cung cấp những loại thông tin đó (ví dụ: sách, báo, mạng internet, cán bộ các cơ quan/ tổ chức có liên quan, bạn bè, người quen...).

- Lập kế hoạch thời gian và liên hệ trước với những người có liên quan đến việc cung cấp thông tin, nếu có.

- Chuẩn bị giấy tờ, phương tiện, bộ công cụ để thu thập thông tin (ví dụ: máy tính, máy ghi âm, phiếu hỏi, bộ câu hỏi phỏng vấn,...), nếu cần thiết.

- Tiến hành thu thập thông tin theo kế hoạch đã xây dựng.

- Sắp xếp thành hệ thống các thông tin thu thập được theo từng nội dung.

- Phân tích, so sánh, đối chiếu, lý giải các thông tin thu thập được, đặc biệt là các thông tin trái chiều; xem xét một cách toàn diện, thấu đáo, sâu sắc và có hệ thống các thông tin đó.

- Viết báo cáo, nếu được yêu cầu.

Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin cần kết hợp với kỹ năng tư duy phê phán và kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ.

3.3.2. Kỹ năng tư duy phê phán

Kỹ năng tư duy phê phán là khả năng phân tích một cách khách quan và toàn diện các vấn đề, sự vật, hiện tượng... xảy ra. Để phân tích một cách có phê phán, chúng ta cần:

- Thu thập thông tin về vấn đề, sự vật, hiện tượng... từ nhiều nguồn khác nhau.

- Sắp xếp thành hệ thống các thông tin thu thập được theo từng nội dung.

- Phân tích, so sánh, đối chiếu, lý giải các thông tin thu thập được, đặc biệt là các thông tin trái chiều.

- Xác định bản chất vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng... là gì.

- Nhận định về những mặt tích cực, hạn chế của vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng, xem xét một cách thấu đáo, sâu sắc và có hệ thống.

Kỹ năng tư duy phê phán rất cần thiết để chúng ta có thể đưa ra được những quyết định, những tình huống phù hợp. Nhất là trong xã hội hiện đại ngày nay, khi mà con người luôn phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp của cuộc sống, luôn phải xử lý nhiều nguồn thông tin đa dạng, phức tạp... thì kỹ năng tư duy phê phán càng trở nên quan trọng đối với mỗi cá nhân.

Kỹ năng tư duy phê phán phụ thuộc vào hệ thống giá trị cá nhân. Một người có được kỹ năng tư duy phê phán tốt khi biết phối hợp nhịp nhàng với kỹ năng tự nhận thức và kỹ năng xác định giá trị.

3.3.3. Kỹ năng tư duy sáng tạo

Tư duy sáng tạo là khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề theo một cách mới, với ý tưởng mới, theo phương thức mới, cách sắp xếp và tổ chức mới; là khả năng khám phá và kết nối mối quan hệ giữa các khái niệm, ý tưởng, quan niệm, sự việc; độc lập trong suy nghĩ.

Kỹ năng tư duy sáng tạo giúp con người tư duy năng động với nhiều sáng kiến và óc tưởng tượng; biết cách phán đoán và thích nghi; có tầm nhìn và

khả năng suy nghĩ rộng hơn những người khác, không bị bó hẹp vào kinh nghiệm trực tiếp đang trải qua; tư duy minh mẫn và khác biệt.

Tư duy sáng tạo là một kỹ năng sống quan trọng bởi vì trong cuộc sống, con người thường xuyên bị đặt vào những hoàn cảnh bất ngờ hoặc ngẫu nhiên xảy ra. Khi gặp những hoàn cảnh như vậy đòi hỏi chúng ta phải có tư duy sáng tạo để có thể ứng phó một cách linh hoạt và phù hợp.

Khi một người biết kết hợp tốt giữa kỹ năng tư duy phê phán và kỹ năng tư duy sáng tạo thì năng lực tư duy của người ấy càng được tăng cường và sẽ giúp ích rất nhiều cho bản thân trong việc giải quyết vấn đề một cách thuận lợi và phù hợp nhất.

3.3.4. Kỹ năng ra quyết định

Trong cuộc sống hàng ngày, con người luôn phải đối mặt với những tình huống, những vấn đề cần giải quyết buộc chúng ta phải lựa chọn, đưa ra quyết định hành động.

Kỹ năng ra quyết định là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách kịp thời.

Mỗi cá nhân phải tự mình ra quyết định cho bản thân; không nên trông chờ, phụ thuộc vào

người khác; mặc dù có thể tham khảo ý kiến của những người tin cậy trước khi ra quyết định.

Để đưa ra quyết định phù hợp, chúng ta cần:

- Xác định vấn đề hoặc tình huống mà chúng ta đang gặp phải.

- Thu thập thông tin hoặc vấn đề về tình huống đó.

- Liệt kê các cách giải quyết vấn đề/tình huống đã có.

- Hình dung đầy đủ về kết quả sẽ xảy ra nếu chúng ta lựa chọn mỗi phương án giải quyết.

- Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu giải quyết theo từng phương án đó.

- So sánh giữa các phương án để quyết định lựa chọn phương án tối ưu.

Kỹ năng ra quyết định rất cần thiết trong cuộc sống, giúp cho chúng ta có được sự lựa chọn phù hợp và kịp thời, đem lại thành công trong cuộc sống. Ngược lại, nếu không có kỹ năng ra quyết định, chúng ta có thể có những quyết định sai lầm hoặc chậm trễ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ, đến công việc và cuộc sống tương lai của bản thân; đồng thời còn có thể làm ảnh hưởng đến gia đình, bạn bè và những người có liên quan.

Để ra được quyết định một cách phù hợp, cần phối hợp với những kỹ năng sống khác, như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo...

Kỹ năng ra quyết định là phần rất quan trọng của kỹ năng giải quyết vấn đề.

3.3.5. Kỹ năng giải quyết vấn đề

Kỹ năng giải quyết vấn đề là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống. Giải quyết vấn đề có liên quan tới kỹ năng ra quyết định và cần nhiều kỹ năng sống khác, như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng kiên định...

Để giải quyết vấn đề có hiệu quả, chúng ta cần:

- Xác định rõ vấn đề hoặc tình huống đang gặp phải, kể cả tìm kiếm thông tin cần thiết.

- Liệt kê các cách giải quyết vấn đề/tình huống đã có.

- Hình dung đầy đủ về kết quả xảy ra nếu ta lựa chọn phương án giải quyết nào đó.

- Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu thực hiện phương án giải quyết đó.

- So sánh các phương án để đưa ra quyết định cuối cùng.

- Hành động theo quyết định đã lựa chọn.

- Kiểm định lại kết quả để rút kinh nghiệm cho những lần quyết định và giải quyết vấn đề sau.

Cũng như kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề rất quan trọng, giúp con người có thể ứng phó tích cực và hiệu quả trước những vấn đề, tình huống của cuộc sống.

Một số lưu ý:

- Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông nói chung tập trung vào các kỹ năng tâm lý - xã hội, đó là những kỹ năng được vận dụng trong những tình huống hằng ngày để tương tác với những người khác và giải quyết hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống. Việc hình thành những kỹ năng này không loại bỏ mà ngược lại phải gắn kết và song hành với việc hình thành các kỹ năng học tập (study skills), như: đọc, viết, tính toán, sử dụng máy tính,...

- Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh cần được vận dụng linh hoạt tùy theo từng lứa tuổi,

cấp học, môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể. Ngoài các kỹ năng sống cơ bản trên, tùy theo đặc điểm từng vùng, miền, địa phương, giáo viên có thể lựa chọn thêm một số kỹ năng sống khác để có thể tích hợp giáo dục cho học sinh của lớp, của trường cho phù hợp.

II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH

1. Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với học sinh trong các cơ sở giáo dục

Kỹ năng sống là thuật ngữ liên quan đến mọi lứa tuổi trong mọi lĩnh vực hoạt động. Có thể nói, kỹ năng sống chính là nhịp cầu giúp con người biến kiến thức thành thái độ, hành vi và thói quen tích cực, lành mạnh. Người có kỹ năng sống phù hợp sẽ luôn vững vàng trước những khó khăn, thử thách; biết ứng xử, giải quyết vấn đề một cách tích cực và phù hợp; họ thường thành công hơn trong cuộc sống, luôn yêu đời và làm chủ cuộc sống của chính mình. Ngược lại, người thiếu kỹ năng sống thường bị vấp vấp, dễ bị thất bại trong cuộc sống. Ví dụ: Người không có kỹ năng ra quyết định sẽ dễ mắc sai lầm hoặc chậm trễ trong việc đưa ra quyết định và phải trả giá cho quyết định sai lầm của mình; người không có kỹ năng ứng phó với căng thẳng sẽ hay bị căng thẳng hơn những người khác và thường

có cách ứng phó tiêu cực khi bị căng thẳng, làm ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe, học tập, công việc,... của bản thân. Hoặc người không có kỹ năng giao tiếp sẽ khó khăn hơn trong việc xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh, sẽ khó khăn hơn trong hợp tác cùng làm việc, giải quyết những nhiệm vụ chung...

Không những thúc đẩy sự phát triển cá nhân, kỹ năng sống còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội, giúp ngăn ngừa các vấn đề xã hội và bảo vệ quyền con người. Việc thiếu kỹ năng sống của cá nhân là một nguyên nhân làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, như: nghiện chất kích thích, nghiện ma túy, mại dâm, cờ bạc,... Việc giáo dục kỹ năng sống sẽ thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm các vấn đề xã hội. Giáo dục kỹ năng sống còn giải quyết một cách tích cực nhu cầu và quyền con người, quyền công dân được ghi trong luật pháp Việt Nam và quốc tế.

Kỹ năng sống là công cụ hình thành và thể hiện giá trị sống. Vì vậy, việc giáo dục kỹ năng sống cho thế hệ trẻ càng trở nên cấp thiết. Với trọng trách là những chủ nhân tương lai của đất nước, sống trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cơ chế thị trường hiện nay, thường xuyên chịu tác động đan xen của những yếu tố tích cực và tiêu cực, thường xuyên

phải đương đầu với những khó khăn, thách thức, nếu không được trang bị kỹ năng sống, họ sẽ không thể thực hiện tốt trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước.

Thế hệ trẻ vốn giàu ước mơ, ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá song còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị lôi kéo, kích động... Nếu không được giáo dục kỹ năng sống, nếu thiếu kỹ năng sống, họ dễ bị lôi kéo vào các hành vi tiêu cực, bạo lực, vào lối sống ích kỷ, lai căng, thực dụng, dễ bị phát triển lệch lạc về nhân cách. Một trong những nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng tiêu cực của một bộ phận giới trẻ trong thời gian vừa qua, như: nghiện hút, bạo lực học đường, đua xe,... chính là do họ chưa được trang bị những kỹ năng sống cần thiết, như: kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng từ chối, kỹ năng kiên định, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng thương lượng, kỹ năng giao tiếp,...

Đối với các trường trung học, vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh là một nhiệm vụ, một yêu cầu đã, đang và ngày càng được quan tâm đúng mức. Học sinh rất cần được trang bị những kỹ năng sống cần thiết, phù hợp để học tập tốt hơn và quan trọng là để thích ứng với những đổi thay của xã hội và giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong thực tiễn cuộc sống.

2. Giáo dục kỹ năng sống gắn liền với mục tiêu xây dựng xã hội học tập và hệ thống học tập suốt đời

Trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, vấn đề phát triển nguồn nhân lực được xác định là một trong những trọng tâm chính để phát triển toàn diện và bền vững quốc gia.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển một hệ thống giáo dục có chất lượng là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu; trong đó, xây dựng xã hội học tập vừa là một yêu cầu chiến lược, vừa là một nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của nền giáo dục nước nhà, quyết định thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa xã hội Việt Nam thành một xã hội trí tuệ, hiện đại, hội nhập quốc tế. Đó là xây dựng xã hội học tập và cho tất cả mọi người, nhằm mục đích phát triển con người, tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội; xã hội trong đó “mọi cá nhân có trách nhiệm học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để làm người công dân tốt; có nghề, lao động với hiệu quả ngày càng cao; học cho bản thân và những người xung quanh hạnh phúc; học để góp phần phát triển quê hương, đất nước và nhân loại”.

Trong bối cảnh hiện tại, để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với

phát triển kinh tế tri thức, để trở thành những công dân học tập và người lao động có nghề, có những phẩm chất và năng lực của công dân thế kỷ XXI, dù học theo hình thức nào, người học cũng cần phải được trang bị những kỹ năng tối thiểu, cần thiết.

3. Giáo dục kỹ năng sống nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

Nghị quyết số 40/2000/NQ-QH10 ngày 09/12/2000 của Quốc hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đã khẳng định mục tiêu xây dựng nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, sách giáo khoa phổ thông mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã khẳng định mục tiêu “giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất

tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”.

Trên cơ sở xác định “tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”, để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng đặt ra yêu cầu phải có những người lao động mới phát triển toàn diện, do vậy cần phải đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới giáo dục phổ thông nói riêng. Nhiệm vụ đổi mới giáo dục đã được thể hiện rõ trong các nghị quyết của Đảng và Quốc hội, trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 (Luật Giáo dục năm 2019).

Luật Giáo dục năm 2019 xác định “mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” (Điều 2), trong đó mục tiêu giáo dục phổ thông là “phát triển toàn diện cho người học về

đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Khoản 1, Điều 29).

Như vậy, mục tiêu giáo dục phổ thông đã chuyển từ chủ yếu là trang bị kiến thức cho học sinh sang trang bị năng lực cần thiết cho học sinh, đặc biệt là năng lực hành động, năng lực thực tiễn. Phương pháp giáo dục phổ thông cũng đã được đổi mới theo hướng “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh phù hợp với đặc trưng từng môn học, lớp học và đặc điểm đối tượng học sinh; bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, khả năng tư duy độc lập; phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình giáo dục” (Khoản 3, Điều 30 Luật Giáo dục năm 2019).

Với mục đích hình thành và phát triển cho người học khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của

cuộc sống, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

Trong chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư số 32/TT-BGDĐT ban hành ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, định hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực cho người học được thể hiện rất cụ thể ở yêu cầu cần đạt về 05 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 10 năng lực (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất).

4. Giáo dục kỹ năng sống là xu thế chung của nhiều nước trên thế giới

Theo thống kê, hiện nay đã có hơn 155 nước trên thế giới quan tâm đến việc đưa kỹ năng sống vào nhà trường, trong đó có 143 nước đã đưa vào chương trình chính khóa ở bậc tiểu học và trung học. Việc giáo dục kỹ năng sống trong trường học ở các nước được thực hiện theo ba hình thức:

- Kỹ năng sống là một môn học riêng biệt.
- Kỹ năng sống được tích hợp vào một vài môn học chính.

- Kỹ năng sống được tích hợp vào nhiều hoặc tất cả các môn học trong chương trình.

Một số ít nước đưa kỹ năng sống thành một môn học riêng biệt. Với đa số các nước, để tránh sự quá tải trong nhà trường, thường tích hợp kỹ năng sống vào một phần nội dung môn học, chủ yếu là các môn khoa học xã hội như: giáo dục sức khỏe, giáo dục giới tính, quyền con người, giáo dục môi trường. Một số nước đã sử dụng cách tiếp cận toàn trường (Whole School Approach), trong đó có hình thức xây dựng “Trường học thân thiện” nhằm thúc đẩy việc giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường.

Từ năm 2014, UNESCO đã đưa ra mô hình “Trường học hạnh phúc - Happy School” xoay quanh 3 chữ P: People (con người), Process (Hệ thống), Place (Môi trường).

People (Con người)

Để có một trường học hạnh phúc thì cần chú trọng xây dựng những giá trị nhân văn và những chuẩn mực hành xử tích cực giữa người với người. Cụ thể là giữa giáo viên với học sinh, giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với ban giám hiệu nhà trường, giữa giáo viên với phụ huynh.

Process (Hệ thống)

Các quy trình, chính sách, hoạt động... được thiết kế để vận hành ngôi trường ấy có hợp lý hay không.

Thật khó để học trò hạnh phúc khi mà ngày ngày các em phải đối mặt với khối lượng bài vở khổng lồ, thời gian chơi đùa gần như chẳng có. Và thật khó để giáo viên kiến tạo lớp học hạnh phúc cho học trò của mình với một chương trình quá tải, áp lực thành tích đè nặng trên vai, các công cụ hỗ trợ thì ít ỏi mà đồng lương thì chưa bảo đảm cuộc sống.

Place (Môi trường)

Không gian vật chất lẫn không gian văn hóa giúp cho trường học là một môi trường an toàn, thân thiện với học sinh; trong đó sẽ không có nhà vệ sinh bẩn, không có bạo lực học đường,...

Dưới đây là 22 tiêu chí “Trường học hạnh phúc” của UNESCO:

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
1. Tình bạn và mối quan hệ trong cộng đồng nhà trường	7. Khối lượng công việc hợp lý và công bằng	16. Môi trường học tập ấm áp và thân thiện
1.1. Khuyến khích sự tham gia của phụ huynh thông qua việc biến trường học thành một “địa điểm mở” cho cộng đồng	7.1. Giảm bớt các bài thi và kiểm tra tiêu chuẩn	16.1. Khuyến khích sự tương tác và hợp tác của học sinh thông qua các hoạt động học tập và chơi chung

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
1.2. Triển khai câu lạc bộ lớp ghép (gồm nhiều độ tuổi khác nhau để tăng cường tình bạn)	7.2. Thay thế bài tập về nhà bằng các hoạt động tự chọn để “mở rộng” hoạt động học tập	16.2. Sử dụng ghế tình bạn (ghế dài)
1.3. Thực hiện hoạt động cùng với các trường khác trong một cộng đồng lớn hơn	7.3. Đánh giá các lĩnh vực học tập không mang tính học thuật bằng cách sử dụng các hình thức đánh giá thay thế	
	7.4. Xem xét đưa vào các tiêu chí không mang tính học thuật trong công tác tuyển sinh của trường	
2. Phẩm chất và thái độ tích cực của người giáo viên	8. Làm việc nhóm và tinh thần hợp tác	17. Môi trường an toàn, không có tình trạng bắt nạt
2.1. Tạo cảm giác như gia đình trong môi trường học đường	8.1. Đưa ra các bài tập nhóm khuyến khích cùng hợp tác làm bài	17.1. Chú trọng đến việc chào hỏi và tươi cười
2.2. Ưu tiên các tiêu chí về tính cách, thái độ và đạo đức của giáo viên trong tuyển dụng và đánh giá giáo viên	8.2. Đưa ra các hoạt động học tập làm việc nhóm đa dạng	17.2. Bỏ tường ngăn cách xung quanh các phòng học

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
2.3. Xây dựng hệ thống cho phép học sinh đưa ra phản hồi cho giáo viên		17.3. Thay trống/chuông bằng tiếng nhạc
		17.4. Sử dụng các hình thức trưng bày trực quan sáng tạo, nhiều màu sắc và có ý nghĩa
3. Tôn trọng sự đa dạng và khác biệt	9. Các phương pháp tiếp cận dạy và học vui vẻ, hấp dẫn	18. Không gian chơi và học là không gian xanh và mở
3.1. Khuyến khích học hỏi kiến thức về văn hóa đa dạng cả trong và ngoài bối cảnh học đường	9.1. Tận dụng tiềm năng của các phương pháp tiếp cận học tập thay thế	18.1. Tạo không gian thư giãn và sáng tạo
3.2. Khuyến khích hoạt động đóng vai và thảo luận với mục đích tạo sự đồng cảm và thấu hiểu		18.2. Xây dựng vườn trường
3.3. Khuyến khích việc thấu hiểu người khác thông qua dạy về tôn giáo và ngôn ngữ khác nhau		18.3. Tận dụng không gian ngoài trời cho hoạt động học và chơi

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
3.4. Tạo điều kiện hòa nhập học sinh có nhu cầu đặc biệt thông qua học tập hợp tác		
4. Giá trị/thực hành tích cực và mang tính hợp tác	10. Sự tự do, sáng tạo và tham gia của người học	19. Tầm nhìn và công tác lãnh đạo nhà trường
4.1. Khuyến khích các giá trị, thái độ và hành vi tích cực	10.1. Coi việc mắc lỗi là một phần của quá trình học tập	19.1. Khuyến khích xây dựng tầm nhìn của nhà trường với những ưu tiên cho hạnh phúc
4.2. Giới thiệu hoạt động học tập có mục đích kép trong các môn học	10.2. Dạy học sinh cách đặt câu hỏi	
5. Điều kiện làm việc và hạnh phúc của người giáo viên	11. Ý thức về thành tích và kết quả đạt được	20. Kỷ luật tích cực
5.1. Quan sát và tôn vinh giáo viên và những đóng góp của họ cho nhà trường và xã hội	11.1. Đưa ra phản hồi tích cực và công khai ghi nhận thành tích/kết quả	20.1. Thay thế hình phạt bằng các hoạt động mang tính xây dựng nhằm khuyến khích kiểm soát cảm xúc
	11.2. Xây dựng một “danh mục những ước mơ”	20.2. Giới thiệu khái niệm trì hoãn nhu cầu hưởng thụ trong lớp học

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
	11.3. Trao giải thưởng và phần thưởng thông qua các cuộc thi của trường	
6. Kỹ năng và năng lực giáo viên	12. Hoạt động ngoại khóa và các sự kiện của nhà trường	21. Sức khỏe, vệ sinh và dinh dưỡng tốt
6.1. Nâng cao kỹ năng và năng lực của giáo viên thông qua mạng lưới trường học và hỗ trợ đồng đẳng	12.1. Triển khai các hoạt động ngoại giờ học thay cho dạy thêm, học thêm	21.1. Đảm bảo có sẵn thực phẩm tốt cho sức khỏe trong bếp ăn học đường
	12.2. Tổ chức các sự kiện của nhà trường để khuyến khích ý thức tập thể trong cộng đồng nhà trường	21.2. Trường có một chuyên gia về dinh dưỡng
	12.3. Thu hút học sinh tham gia các câu lạc bộ truyền thông	21.3. Tổ chức các buổi tổng vệ sinh trong trường với sự tham gia của cộng đồng
	13. Học sinh và giáo viên cùng học	22. Quản lý trường học dân chủ
	13.1. Thay sách giáo khoa bằng giáo án được soạn với sự hợp tác giữa giáo viên và học sinh	22.1. Cho phép học sinh được làm hiệu trưởng trong một ngày

Con người	Quá trình	Môi trường học tập
	14. Nội dung học tập bổ ích, phù hợp và lôi cuốn	
	14.1. Đảm bảo có thể áp dụng nội dung học tập	
	14.2. Đảm bảo hoạt động học tập mang tính liên môn	
	15. Sức khỏe tinh thần và kiểm soát sự căng thẳng	
	15.1. Có chuyên gia tâm lý hoặc nhân viên tư vấn học đường	
	15.2. Thực hiện các chương trình hạnh phúc học đường	
	15.3. Giới thiệu thiền chánh niệm	
	15.4. Sử dụng các hình thức trưng bày trực quan sinh động, bao gồm các gợi ý để kiểm soát sự căng thẳng	

Phần thứ hai

**ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG
GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

**I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH**

Trên tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, mục tiêu giáo dục của Việt Nam đã chuyển từ cung cấp kiến thức là chủ yếu sang hình thành và phát triển những năng lực cần thiết ở người học để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu giáo dục của Việt Nam thể hiện mục tiêu giáo dục của thế kỷ XXI: Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định và học để cùng chung sống¹.

Theo đó, giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường nói chung hướng đến những mục tiêu cơ bản sau:

1 . Xem Báo cáo Delors, năm 1996.

- Trang bị cho người học những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho người học những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hằng ngày.

- Tạo cơ hội thuận lợi để người học thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

II. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH

Việc giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường được thực hiện thông qua dạy học các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhưng không phải là lồng ghép, tích hợp thêm kỹ năng sống vào nội dung các môn học và hoạt động giáo dục mà theo cách tiếp cận mới, đó là sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho người học được thực hành, trải nghiệm kỹ năng sống trong quá trình học tập. Cách tiếp cận này sẽ không gây quá tải, không làm nặng nề thêm nội dung các môn học và hoạt động giáo dục, mà ngược lại, còn làm cho các giờ học và hoạt động giáo dục trở nên nhẹ nhàng hơn, thiết thực và bổ ích hơn với người học.

Với cách tiếp cận trên, hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần tuân thủ chặt chẽ những nguyên tắc cơ bản sau:

1. Đảm bảo tính mục đích của giáo dục kỹ năng sống

Đây là nguyên tắc xuyên suốt, chỉ đạo mọi hoạt động của giáo dục kỹ năng sống. Giáo dục nói chung và giáo dục kỹ năng sống nói riêng bao giờ cũng hướng tới mục đích đã đề ra, bao gồm mục đích ngắn hạn và mục đích dài hạn. Trong đó, mục đích ngắn hạn là cơ sở, phương tiện để đạt được mục đích dài hạn. Mục đích dài hạn mà giáo dục kỹ năng sống thường hướng tới là cách làm, cách ứng phó với những thách thức trong cuộc sống.

2. Đảm bảo sự tương tác

Kỹ năng sống không thể chỉ được hình thành qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. Việc nghe giảng và đọc tài liệu chỉ giúp người học thay đổi nhận thức về một vấn đề nào đó. Nhiều kỹ năng sống (kỹ năng thương lượng, kỹ năng giải quyết vấn đề,...) được hình thành trong quá trình người học tương tác với bạn học và những người xung quanh thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động xã hội trong nhà trường.

Trong khi tham gia các hoạt động có tính tương tác, người học có cơ hội thể hiện ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của người khác, được trải nghiệm và đánh giá lại những kinh nghiệm sống của mình trước đây theo một cách nhìn nhận khác. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động có tính chất tương tác cao trong nhà trường tạo cơ hội quan trọng để giáo dục kỹ năng sống hiệu quả.

3. Đảm bảo được trải nghiệm

Kỹ năng sống chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. Người học chỉ có kỹ năng khi được tự mình làm việc đó mà không phải chỉ nói về việc đó. Kinh nghiệm có được khi người học được hành động trong các tình huống đa dạng giúp người học dễ dàng sử dụng và điều chỉnh các kỹ năng phù hợp với điều kiện thực tế.

Giáo viên cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho người học có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và người khác.

4. Đảm bảo tính quá trình

Giáo dục kỹ năng sống không thể hình thành trong thời gian ngắn mà đòi hỏi phải có cả quá trình:

nhận thức - hình thành thái độ - thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mỗi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới. Do đó, người dạy có thể tác động lên bất kỳ mắt xích nào trong chu trình đó: thay đổi thái độ dẫn đến mong muốn thay đổi nhận thức và hành vi, hoặc hành vi thay đổi tạo nên sự thay đổi nhận thức và thái độ.

5. Đảm bảo thay đổi hành vi

Mục đích cao nhất của giáo dục kỹ năng sống là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục kỹ năng sống thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị, thái độ và hành vi của mình.

Thay đổi hành vi, thái độ và giá trị ở từng con người là một quá trình khó khăn, không đồng thời. Có thời điểm người học lại quay trở lại những thái độ, hành vi hoặc giá trị trước. Do đó, người dạy cần kiên trì chờ đợi và tổ chức các hoạt động liên tục để người học duy trì hành vi mới và có thói quen mới; tạo động lực cho người học điều chỉnh hoặc thay đổi giá trị, thái độ và những hành vi trước đây, thích nghi hoặc chấp nhận các giá trị, thái độ và hành vi mới. Người dạy không nhất thiết phải luôn luôn tóm tắt bài giúp người học mà tạo điều kiện cho người học tự tóm tắt những ghi nhận cho bản thân sau mỗi hoạt động.

6. Đảm bảo thời gian và môi trường giáo dục kỹ năng sống

Giáo dục kỹ năng sống cần được thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho người học áp dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống thực trong cuộc sống.

Giáo dục kỹ năng sống được thực hiện trong gia đình, nhà trường và cộng đồng. Người tổ chức giáo dục có thể là cha mẹ, thầy cô, bạn học hay là các thành viên cộng đồng. Trong phạm vi trường học, giáo dục kỹ năng sống được thực hiện trong các giờ học, trong lao động, lồng ghép, thông qua các hoạt động đoàn thể - xã hội, hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục khác.

Đối tượng được hưởng lợi từ giáo dục kỹ năng sống hết sức đa dạng, từ trẻ mẫu giáo đến người trưởng thành, từ người phát triển bình thường đến người có nguy cơ cao. Vì vậy, khi giáo dục kỹ năng sống, cần đảm bảo nguyên tắc phù hợp với đối tượng. Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý, nghề nghiệp và môi trường sống của đối tượng mà lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp.

Đặc biệt, trong quá trình giáo dục kỹ năng sống, cần phải phối hợp giữa nhà trường với gia đình, và các lực lượng khác như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ huynh, Hội người cao tuổi,...;

cần chú ý khuyến khích, động viên, cổ vũ người học và hướng họ đến tương lai tươi sáng hơn. Mục đích của giáo dục kỹ năng sống là hình thành kỹ năng sống cho người học. Mục đích đó chỉ đạt được khi người học tự giác. Vì vậy, không nên dọa nạt, trách phạt mà phải xác định lấy phương pháp mềm dẻo, động viên khuyến khích là chính. Đồng thời, để đạt được mục đích thay đổi hành vi, cần thực hiện giáo dục kỹ năng sống kiên trì, thường xuyên và lâu dài.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH

Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bao gồm những kỹ năng cơ bản, cần thiết, hướng tới hình thành những thói quen tốt giúp học sinh thành công, đảm bảo vừa phù hợp với thực tiễn và thuần phong mỹ tục Việt Nam vừa thực hiện hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phải phù hợp với từng lứa tuổi và tiếp tục được rèn luyện theo mức độ tăng dần. Đối với từng nhóm đối tượng, việc giáo dục kỹ năng sống cần tập trung vào những nội dung sau:

1. Đối với trẻ mầm non

Giáo dục cho trẻ kỹ năng tự nhận thức về bản thân: sự tự tin, tự lực thực hiện những quy tắc

an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản; hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết: thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó; hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình, cộng đồng, bạn bè và môi trường.

2. Đối với học sinh tiểu học

Tiếp tục rèn luyện cho học sinh những kỹ năng đã được học ở trường mầm non, tập trung hình thành cho học sinh kỹ năng giao tiếp với cha mẹ, thầy cô, bạn bè; kỹ năng xây dựng tình bạn đẹp; kỹ năng kiên trì trong học tập; kỹ năng đúng giờ và làm việc theo yêu cầu, kỹ năng đồng cảm,... tạo tiền đề cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất, học vấn và năng lực của học sinh.

3. Đối với học sinh trung học (bao gồm trung học cơ sở và trung học phổ thông)

Tiếp tục rèn luyện cho học sinh những kỹ năng đã được học ở tiểu học, tập trung giáo dục những kỹ năng sống cốt lõi, có ý nghĩa thiết thực cho người học như: kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng tự nhận thức và cảm thông, kỹ năng quản lý cảm xúc và đương đầu với áp lực, kỹ năng tự học.

Phần thứ ba

**TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

**I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
TÍCH CỰC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG GIÁO DỤC
KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

Mỗi phương pháp dạy học đều có những điểm mạnh, điểm hạn chế nhất định. Nhưng khi xem xét trong việc thực hiện một mục tiêu dạy học nhất định sẽ có một số phương pháp dạy học phù hợp hơn các phương pháp dạy học khác. Chẳng hạn nếu đặt mục tiêu là giúp học sinh hiểu các khái niệm, đặc điểm của các kỹ năng sống cụ thể thì phương pháp dạy học thuyết trình có vị trí quan trọng. Nhưng nếu đặt mục tiêu phát triển năng lực tìm tòi, sáng tạo của học sinh thì các phương pháp dạy học tăng cường khả năng tương tác cho học sinh như dạy học nhóm, động não, tranh luận,... lại có hiệu quả tốt hơn. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy sự hạn chế của các

phương pháp dạy học dùng lời nói, thay vào đó khuyến khích tổ chức các hoạt động tự lập của học sinh, phối hợp các phương pháp dạy học nhằm huy động đồng thời nhiều giác quan của học sinh tham gia vào quá trình tri giác các đối tượng lĩnh hội; đồng thời tăng cường sự thực hành, luyện tập, vận dụng kiến thức đã học của học sinh vào việc giải quyết các tình huống, nhiệm vụ cụ thể trong học tập và cuộc sống; hình thành, duy trì và phát triển các thói quen tích cực.

Giữa nội dung dạy học và phương pháp dạy học có mối quan hệ tác động lẫn nhau, trong nhiều trường hợp quy định lẫn nhau. Xét về phương diện kỹ thuật dạy học, phương pháp dạy học cần tương thích với nội dung dạy học. Mỗi nội dung dạy học đều có mối liên hệ mật thiết với những hoạt động nhất định. Lựa chọn các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học cũng phải căn cứ vào đặc thù của nội dung giáo dục kỹ năng sống.

Ngoài ra, việc lựa chọn phương pháp dạy học cần chú ý đến hứng thú, thói quen của học sinh, kinh nghiệm sư phạm của giáo viên. Cần dự đoán nhu cầu, hứng thú của học sinh khi lựa chọn các phương pháp dạy học. Đối với việc trình bày thông tin cần ưu tiên lựa chọn các phương pháp sử dụng phương tiện nghe nhìn, truyền thông đa phương tiện.

Đối với các hoạt động chế biến thông tin cần tổ chức các hoạt động tự phát hiện, phối hợp với làm việc theo nhóm, càng phát huy được tối đa tính tích cực, sáng tạo của học sinh càng tốt.

Để phát huy tính tích cực của học sinh, nâng cao hiệu quả giờ dạy tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo viên căn cứ vào nội dung của từng bài học, đặc thù của từng bộ môn và điều kiện dạy học cụ thể của từng trường để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Sau đây là gợi ý một số phương pháp dạy học tích cực, có ưu thế cao, thường sử dụng trong giáo dục kỹ năng sống:

1. Phương pháp thảo luận nhóm

Về thực chất, phương pháp này là tổ chức cho học sinh *bàn bạc, trao đổi* trong *nhóm nhỏ* về một chủ đề xác định. Thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho mọi học sinh tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, giáo dục, tạo cơ hội cho học sinh có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết một vấn đề có liên quan đến nội dung bài học. Các nghiên cứu về phương pháp thảo luận nhóm đã chứng minh rằng, nhờ việc thảo luận trong nhóm nhỏ mà:

- Kiến thức của học sinh sẽ giảm bớt phần chủ quan, phiến diện, làm tăng tính khách quan khoa học.

- Kiến thức trở nên sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ nhanh hơn do có sự giao lưu, học hỏi giữa các thành viên trong nhóm.

- Không khí thảo luận cởi mở giúp học sinh thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và lắng nghe có phê phán ý kiến của các học sinh khác.

Về cách tiến hành:

- Giáo viên nêu chủ đề thảo luận, chia nhóm, giao câu hỏi, yêu cầu thảo luận cho mỗi nhóm, quy định thời gian thảo luận và phân công vị trí ngồi thảo luận cho các nhóm.

- Các nhóm tiến hành thảo luận.

- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, chất vấn, trao đổi, bổ sung ý kiến.

- Giáo viên tổng kết các ý kiến.

Về yêu cầu sư phạm:

- Có nhiều cách chia nhóm, có thể chia theo số điểm danh, theo giới tính, theo màu sắc, theo các mùa trong năm, theo biểu tượng,...

- Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo vấn đề thảo luận. Tuy nhiên, nhóm không nên quá đông để đảm bảo tất cả học sinh có thể tham gia thảo luận tích cực; đồng thời nhóm cũng không nên

quá ít để đảm bảo rằng nhóm không bao giờ thiếu ý tưởng và không có gì để trình bày. Một nhóm làm việc hiệu quả thường bao gồm từ 4 - 6 thành viên.

- Nội dung thảo luận của các nhóm có thể giống hoặc khác nhau.

- Cần quy định rõ thời gian thảo luận và trình bày kết quả thảo luận cho các nhóm.

- Sẽ thuận lợi hơn nếu mỗi nhóm chọn một trong những thành viên trong nhóm làm trưởng nhóm. Nhóm trưởng điều khiển dòng thảo luận của nhóm, mời các thành viên phát biểu, chuyển sang câu hỏi khác khi thích hợp, đảm bảo rằng mỗi người - bao gồm cả những cá nhân hay xấu hổ hoặc ngại phát biểu có cơ hội để đóng góp ý kiến. Đồng thời, trong nhiều trường hợp, mỗi nhóm cần có một người ghi biên bản cuộc thảo luận để sau đó trình bày trước lớp.

- Học sinh cần được luân phiên thay nhau làm “nhóm trưởng” và “thư ký” và luân phiên thay nhau đại diện cho nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Kết quả thảo luận có thể được trình bày dưới nhiều hình thức: bằng lời nói, đóng vai, viết hoặc vẽ trên giấy to,...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày, có thể nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau,...

- Trong suốt buổi thảo luận nhóm nhỏ, giáo viên cần đi vòng quanh các nhóm và lắng nghe ý kiến của học sinh. thỉnh thoảng, cũng rất hữu ích nếu giáo viên xen lời bình luận vào giữa cuộc thảo luận của một nhóm. Đối với những đề tài nhạy cảm, thường có những tình huống mà học sinh sẽ cảm thấy bối rối, xấu hổ khi phải nói trước mặt giáo viên, trong trường hợp này giáo viên có thể quyết định không xen vào hoạt động của nhóm khi thảo luận.

2. Phương pháp trò chơi

Phương pháp trò chơi là tổ chức cho học sinh chơi một trò chơi nào đó để tìm hiểu một vấn đề hoặc được bày tỏ thái độ hay hành vi, việc làm phù hợp trong một tình huống cụ thể. Phương pháp trò chơi có ưu điểm sau:

- Qua trò chơi, học sinh có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi. Chính nhờ sự thể nghiệm này, sẽ hình thành được ở họ niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.

- Qua trò chơi, học sinh sẽ được rèn luyện khả năng quyết định lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong mọi tình huống.

- Qua trò chơi, học sinh được hình thành năng lực quan sát, được rèn luyện kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi.

- Bằng trò chơi, việc học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động; không khô khan, nhàm chán. Học sinh được lôi cuốn vào quá trình học tập một cách tự nhiên, hứng thú và có tinh thần trách nhiệm, đồng thời giảm bớt được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

- Trò chơi còn giúp tăng cường khả năng giao tiếp giữa học sinh với học sinh, giữa giáo viên với học sinh.

Về yêu cầu sư phạm:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề giáo dục, với đặc điểm và trình độ của học sinh, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học.

- Học sinh phải hiểu được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.

- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.

- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, tạo điều kiện cho học sinh tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lý để không gây nhàm chán cho học sinh.

- Sau khi chơi, người hướng dẫn cần tổ chức cho học sinh thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

3. Phương pháp phân tích nêu vấn đề

Dạy học nêu vấn đề là một hệ thống tình huống có vấn đề được đặt ra gắn liền với nhau và trong quá trình đó, học sinh dưới sự giúp đỡ, tổ chức của giáo viên, nắm được nội dung bộ môn, phương thức học tập và phát triển ở mình những phẩm chất cần thiết để sáng tạo trong khoa học và đời sống. Còn tình huống có vấn đề là một trạng thái tâm lý nảy sinh ở mỗi người trước một khó khăn được chủ thể ý thức và muốn khắc phục thì phải vận dụng những hiểu biết mới và phương thức hành động mới.

Tư duy con người chỉ bắt đầu từ một vấn đề, một câu hỏi, từ một sự ngạc nhiên hay thắc mắc, từ một sự mâu thuẫn cho nên tình huống có vấn đề sẽ có tác dụng lôi cuốn học sinh vào tư duy.

Giáo viên muốn thành công trong giờ dạy, nhất thiết phải xây dựng được một hay những tình huống có vấn đề và được học sinh tiếp nhận một cách có ý thức. Tạo được tình huống có vấn đề trong dạy học là tạo được một trạng thái tâm lý cần thiết để mở đầu cho quá trình học tập đạt được hiệu quả như mong muốn.

Xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học là một hoạt động sư phạm phù hợp với mục đích dạy học hiện nay. Muốn xây dựng được tình huống có

vấn đề, trước hết giáo viên phải xây dựng được một hệ thống câu hỏi nêu vấn đề.

4. Phương pháp rèn luyện theo mẫu

Mô phỏng, bắt chước theo kinh nghiệm giao tiếp gắn liền với quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ của con người. Phương pháp rèn luyện theo mẫu là phương pháp dạy học một cách có ý thức về thói quen và kinh nghiệm ấy.

Phương pháp rèn luyện theo mẫu có thể được áp dụng theo các bước sau đây:

- Giáo viên cung cấp mẫu lời nói hoặc hành động lời nói.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích mẫu theo một số yêu cầu.
- Học sinh mô phỏng mẫu để tạo ra lời nói của mình.
- Giáo viên cùng học sinh kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

5. Thiết kế bản đồ tư duy

Bản đồ tư duy (Mindmap) là một công cụ hữu ích trong giảng dạy và học tập. Bản đồ tư duy không chỉ phát huy hiệu quả khi củng cố kiến thức cuối bài học hay trong tiết ôn tập mà còn có thể áp dụng khi dạy kiến thức mới. Với những bài tự học

có hướng dẫn, bản đồ tư duy sẽ phát huy được khả năng sáng tạo, tư duy độc lập của học sinh.

Để thiết kế bản đồ tư duy, giáo viên, học sinh có thể vẽ trên giấy, vở, bìa, bảng phụ hoặc sử dụng các phần mềm trên mạng Internet. Việc thiết kế bản đồ tư duy có thể tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu bài học (kiến thức, kỹ năng, thái độ).

- Bước 2: Bắt đầu từ vị trí trung tâm với hình ảnh hay một cụm từ tên chủ đề (tên chủ đề có thể là tên bài học, tên chương...).

- Bước 3: Từ hình ảnh trung tâm, vẽ nhánh chính (cấp 1), từ các nhánh cấp 1 vẽ các nhánh cấp 2...

- Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, thêm bớt thông tin, thêm bớt nhánh, điều chỉnh sao cho hình thức đẹp, chữ viết rõ, màu sắc phù hợp.

**Lưu ý:* Không ghi chép quá nhiều ý không cần thiết trên bản đồ tư duy, không đưa những hình ảnh không liên quan đến bài học làm phân tán sự tập trung của học sinh.

- Khi tổ chức dạy học, giáo viên, học sinh có thể chủ động thiết kế bản đồ tư duy hoặc giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thiện bản đồ tư duy dựa trên hệ thống từ khóa, câu hỏi gợi ý có sẵn.

II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

1. Kỹ thuật chia nhóm

Khi tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm, giáo viên nên sử dụng nhiều cách chia nhóm khác nhau để gây hứng thú cho học sinh, đồng thời tạo cơ hội cho học sinh được học hỏi, giao lưu với nhiều bạn khác nhau trong lớp. Dưới đây là một số cách chia nhóm:

- Chia nhóm theo số điểm danh, theo màu sắc, theo các loài hoa, các mùa trong năm,...:

+ Giáo viên yêu cầu học sinh điểm danh từ 1 đến 4/5/6... (tùy theo số nhóm giáo viên muốn có là 4, 5 hay 6 nhóm,...); hoặc điểm danh theo các màu (xanh, đỏ, tím, vàng,...); hoặc điểm danh theo các loài hoa (hồng, lan, huệ, cúc,...); hay điểm danh theo các mùa (xuân, hạ, thu, đông).

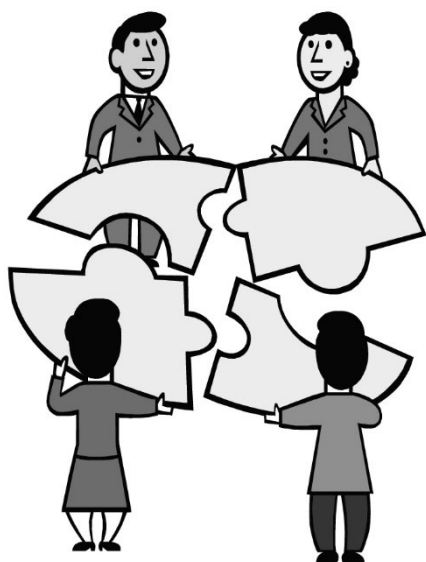
+ Yêu cầu các học sinh có cùng một số điểm danh hoặc cùng một màu/cùng một loài hoa/cùng một mùa sẽ vào cùng một nhóm.

- Chia nhóm theo hình ghép:

+ Giáo viên cắt một số bức hình ra thành 3/4/5... mảnh khác nhau, tùy theo số học sinh trong mỗi nhóm muốn có là 3/4/5.... Lưu ý là số bức hình cần tương ứng với số nhóm mà giáo viên muốn có.

- + Học sinh bốc ngẫu nhiên mỗi em một mảnh cắt.
- + Học sinh phải tìm các bạn có các mảnh cắt phù hợp để ghép lại thành một tấm hình hoàn chỉnh.
- + Những học sinh có mảnh cắt của cùng một bức hình sẽ tạo thành một nhóm.

- ***Chia nhóm theo sở thích:*** Giáo viên có thể chia học sinh thành các nhóm có cùng sở thích để



học sinh có thể cùng thực hiện một công việc yêu thích hoặc biểu đạt kết quả công việc của nhóm dưới các hình thức phù hợp với sở trường của học sinh. Ví dụ: Nhóm họa sĩ, Nhóm nhà thơ, Nhóm hùng biện,...

- ***Chia nhóm theo tháng sinh:*** Các học sinh có cùng tháng sinh sẽ làm thành một nhóm.

Ngoài ra còn có nhiều cách chia nhóm khác như: nhóm cùng trình độ, nhóm hỗn hợp, nhóm theo giới tính,...

Một số lưu ý khi chia nhóm:

- Một nội dung hay chủ đề lớn của bài học thường bao gồm các phần nội dung hay chủ đề nhỏ. Từ các nội dung/chủ đề nhỏ, giáo viên xây dựng thành các nhiệm vụ cụ thể giao cho các nhóm học sinh. Nội dung của các chủ đề nhỏ phải có sự liên quan, gắn kết chặt chẽ với nhau.

- Nhiệm vụ phải hết sức cụ thể, đảm bảo tất cả học sinh đều hiểu rõ và có khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kỹ thuật giao nhiệm vụ

- Giao nhiệm vụ phải cụ thể, rõ ràng:

+ Nhiệm vụ là gì?

+ Nhiệm vụ giao cho cá nhân/nhóm nào?

+ Địa điểm thực hiện nhiệm vụ ở đâu?

+ Thời gian thực hiện nhiệm vụ là bao lâu?

+ Phương tiện thực hiện nhiệm vụ là gì?

+ Sản phẩm cuối cùng cần có là gì?

+ Cách thức trình bày/đánh giá sản phẩm như thế nào?

- Nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu hoạt động, trình độ của học sinh, thời gian, không gian hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

3. Kỹ thuật đặt câu hỏi

Trong dạy học, giáo viên thường sử dụng câu hỏi gợi mở, dẫn dắt học sinh tìm hiểu, khám phá thông tin, kiến thức, kỹ năng mới để đánh giá kết quả học tập của học sinh; học sinh cũng phải sử dụng câu hỏi để hỏi lại, hỏi thêm giáo viên và các học sinh khác về những nội dung bài học chưa sáng tỏ. Sử dụng câu hỏi có hiệu quả đem lại sự hiểu biết lẫn nhau giữa học sinh với giáo viên và giữa học sinh với học sinh. Kỹ năng đặt câu hỏi càng tốt thì mức độ tham gia của học sinh càng nhiều, học sinh sẽ học tập tích cực hơn.

Mục đích sử dụng câu hỏi trong dạy học là để:

- Kích thích, dẫn dắt học sinh suy nghĩ, khám phá tri thức mới, tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào quá trình dạy học.

- Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng của học sinh và sự quan tâm, hứng thú của học sinh đối với nội dung học tập.

- Thu thập, mở rộng thông tin, kiến thức.

Khi đặt câu hỏi cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Câu hỏi phải liên quan đến việc thực hiện mục tiêu bài học.

- Ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu.

- Đúng lúc, đúng chỗ.

- Phù hợp với trình độ của học sinh.
- Kích thích suy nghĩ của học sinh.
- Phù hợp với thời gian thực tế.
- Sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.
- Không ghép nhiều câu hỏi thành một câu hỏi móc xích.
- Không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc.

Phân loại câu hỏi:

Dựa vào câu trả lời, có 2 loại câu hỏi: Câu hỏi đóng và câu hỏi mở.

- Câu hỏi đóng là những câu hỏi thường nhận được câu trả lời “Có” hoặc “Không” hoặc “Vâng”, “Rồi”, “Chưa”...

- Câu hỏi mở thường bắt đầu bằng các từ “Tại sao?”, “Như thế nào?”... Câu hỏi mở thường thu được nhiều thông tin hơn và khuyến khích câu chuyện diễn ra tự nhiên hơn, thân mật hơn...

Dựa vào nội dung bài học, có thể có:

- Câu hỏi về nội dung.
- Câu hỏi liên hệ thực tế.
- Câu hỏi về cảm nghĩ.

Dựa vào mức độ nhận thức, có thể có:

- Câu hỏi nhớ lại.
- Câu hỏi phân tích, đánh giá.
- Câu hỏi ứng dụng.

Dựa vào mục đích, có thể có:

- Câu hỏi kiểm tra, đánh giá.
- Câu hỏi dẫn dắt gợi ý.

Một số lưu ý khi đặt câu hỏi :

- Mục đích hỏi rõ ràng, chỉ nên hỏi một ý.
- Câu hỏi đơn giản, cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu.
- Từ ngữ phải phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, trình độ nhận thức, hiểu biết và kinh nghiệm sống của học sinh.

- Phù hợp với nội dung bài học/chủ đề, với thực tế của học sinh.

- Phải mang tính gợi ý, kích thích tư duy, suy nghĩ của học sinh.

- Dừng lại sau khi đặt câu hỏi.
- Tích cực hóa tất cả học sinh.
- Phân phối câu hỏi cho cả lớp.
- Tập trung vào trọng tâm.
- Tránh tự trả lời câu hỏi của mình.
- Tránh nhắc lại câu trả lời của học sinh.

4. Kỹ thuật “Khăn trải bàn”

- Học sinh được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.

- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tùy theo số thành viên của nhóm (4 hoặc 6 người).

- Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà giáo viên yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.

5. Kỹ thuật “Phòng tranh”

Kỹ thuật này có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Giáo viên nêu câu hỏi/vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm.

- Mỗi thành viên (hoạt động cá nhân) hoặc các nhóm (hoạt động nhóm) phác họa những ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và treo lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

- Học sinh cả lớp đi xem “triển lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

- Cuối cùng, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và tìm phương án tối ưu.

6. Kỹ thuật “Công đoạn”

- Học sinh được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao giải quyết một nhiệm vụ khác nhau. Ví dụ: nhóm 1 thảo luận câu A, nhóm 2 thảo luận câu B, nhóm 3 thảo luận câu C, nhóm 4 thảo luận câu D,...

- Sau khi các nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào giấy A0 xong, các nhóm sẽ luân chuyển giấy A0 ghi kết quả thảo luận cho nhau. Cụ thể là: nhóm 1 chuyển cho nhóm 2, nhóm 2 chuyển cho nhóm 3, nhóm 3 chuyển cho nhóm 4, nhóm 4 chuyển cho nhóm 1,...

- Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó lại tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và nhận tiếp kết quả từ một nhóm khác để góp ý.

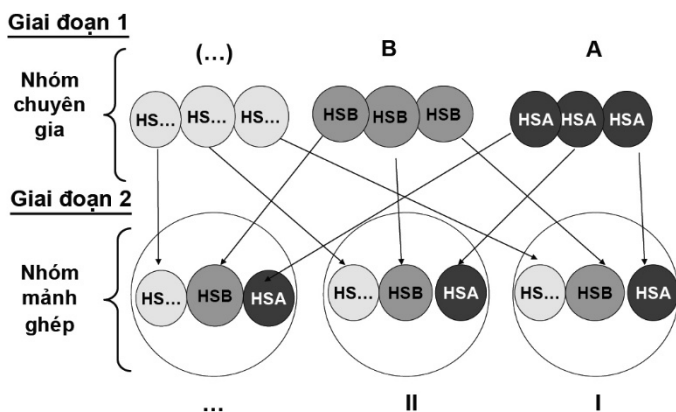
- Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận lại được tờ giấy A0 của nhóm mình cùng với các ý kiến góp ý của các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của các bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm. Sau khi hoàn thiện xong, nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học.

7. Kỹ thuật các “Mảnh ghép”

- Học sinh được phân thành các nhóm, sau đó giáo viên phân công cho mỗi nhóm thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Chẳng hạn: nhóm 1 thảo luận vấn đề A, nhóm 2 thảo luận vấn đề B, nhóm 3 thảo luận vấn đề C, nhóm 4 thảo luận vấn đề D,...

- Học sinh thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công.

Kỹ thuật dạy học “Các mảnh ghép”



- Sau đó, mỗi thành viên của các nhóm này sẽ tập hợp lại thành các nhóm mới, như vậy trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về vấn đề A, B, C, D,... và mỗi “chuyên gia” về từng vấn đề sẽ có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về

vấn đề mà các thành viên đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

Một số lưu ý khi áp dụng kỹ thuật mảnh ghép:

- Khi học sinh thực hiện nhiệm vụ tại các nhóm “chuyên sâu”, giáo viên cần quan sát và hỗ trợ kịp thời để đảm bảo các nhóm hoàn thành đúng thời gian quy định và mỗi thành viên đều có khả năng trình bày lại kết quả thảo luận nhóm.

- Thành lập nhóm mới - nhóm “mảnh ghép” cần đảm bảo có đủ thành viên của các nhóm “chuyên sâu”.

- Khi các nhóm “mảnh ghép” hoạt động, giáo viên cần quan sát, hỗ trợ để đảm bảo các thành viên nắm được đầy đủ nội dung từ các nhóm “chuyên sâu”. Khi giao nhiệm vụ mới, nhiệm vụ mới phải mang tính khái quát, tổng hợp kiến thức trên cơ sở nội dung kiến thức (mang tính bộ phận) học sinh đã nắm được từ các nhóm “chuyên sâu”.

8. Kỹ thuật động não

Động não là kỹ thuật giúp cho học sinh trong một thời gian ngắn nảy nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ



đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “cơn lốc” các ý tưởng).

Kỹ thuật động não thường được:

- Dùng trong giai đoạn giới thiệu vào một chủ đề.
- Sử dụng để tìm các phương án giải quyết vấn đề.
- Dùng để thu thập các khả năng lựa chọn và suy nghĩ khác nhau.

Kỹ thuật động não có thể tiến hành theo các bước sau:

- Giáo viên nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.

- Khích lệ học sinh phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

- Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc tờ giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

- Phân loại các ý kiến.

- Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.

- Tổng hợp ý kiến của học sinh và rút ra kết luận.

Kỹ thuật động não có thể dùng để lý giải bất kỳ một vấn đề nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn

đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế cuộc sống của học sinh. Kỹ thuật này có thể dùng cho cả câu hỏi có phần kết đóng và kết mở. Tuy nhiên cần đảm bảo các yêu cầu sơ phạm sau đây:

- Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.

- Tất cả mọi ý kiến đều cần được giáo viên hoan nghênh, chấp nhận mà không nên phê phán, nhận định đúng, sai ngay.

- Cuối giờ thảo luận, giáo viên nên nhấn mạnh kết luận này là kết quả của sự tham gia chung của tất cả lớp học.

Động não không phải là một kỹ thuật dạy học hoàn chỉnh, mà chỉ là sự khởi đầu. Khi danh sách các câu trả lời đã được hoàn thành, cần phải cho cả lớp dùng danh sách này để tiếp tục thảo luận sâu vào từng vấn đề.

9. Kỹ thuật “Trình bày 1 phút”

Đây là kỹ thuật tạo cơ hội cho học sinh tổng kết lại kiến thức đã học và đặt những câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn và cô đọng với các bạn cùng lớp. Các câu hỏi cũng như các câu trả lời học sinh đưa ra sẽ giúp củng cố quá trình học tập của học sinh và cho

giáo viên thấy được học sinh đã hiểu vấn đề như thế nào.

Kỹ thuật này có thể tiến hành như sau:

- Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ, trả lời các câu hỏi: Điều quan trọng nhất học sinh học được hôm nay là gì? Theo học sinh, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...

- Học sinh suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của học sinh có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Mỗi học sinh trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều học sinh đã học được và những câu hỏi học sinh muốn được giải đáp hay những vấn đề học sinh muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

10. Kỹ thuật “Chúng em biết 3”

- Giáo viên nêu chủ đề cần thảo luận.

- Chia học sinh thành các nhóm 3 người và yêu cầu học sinh thảo luận trong vòng 10 phút về những gì mà học sinh biết về chủ đề này.

- Học sinh thảo luận nhóm và chọn ra 3 điểm quan trọng nhất để trình bày với cả lớp.

- Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện lên trình bày về cả 3 điểm nói trên.

11. Kỹ thuật “Hỏi và trả lời”

Đây là kỹ thuật dạy học giúp cho học sinh có thể củng cố, khắc sâu các kiến thức đã học thông qua việc hỏi và trả lời các câu hỏi.

Kỹ thuật này có thể tiến hành như sau:

- Giáo viên nêu chủ đề.
- Giáo viên (hoặc một học sinh) sẽ bắt đầu đặt một câu hỏi về chủ đề và yêu cầu một học sinh khác trả lời câu hỏi đó.
- Học sinh vừa trả lời xong câu hỏi đầu tiên lại được đặt tiếp một câu hỏi tiếp theo và yêu cầu một học sinh khác trả lời.
- Học sinh này sẽ tiếp tục quá trình trả lời và đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp... Cứ như vậy cho đến khi giáo viên quyết định dừng hoạt động này lại.

12. Kỹ thuật “Hỏi chuyên gia”

- Học sinh xung phong (hoặc theo sự phân công của giáo viên) tạo thành các nhóm “chuyên gia” về một chủ đề nhất định.
- Các “chuyên gia” nghiên cứu và thảo luận với

nhau về những tư liệu có liên quan đến chủ đề mình được phân công.

- Nhóm “chuyên gia” lên ngồi phía trên lớp học.

- Một học sinh trưởng nhóm “chuyên gia” (hoặc giáo viên) sẽ điều khiển buổi “tư vấn”, mời các bạn học sinh trong lớp đặt câu hỏi rồi mời “chuyên gia” giải đáp, trả lời.

13. Kỹ thuật “Bản đồ tư duy”

Bản đồ tư duy là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng hoặc kết quả làm việc của cá nhân/nhóm về một chủ đề.

- Viết tên chủ đề/ý tưởng chính ở vị trí trung tâm.

- Từ chủ đề/ý tưởng chính ở vị trí trung tâm, vẽ các nhánh chính, trên mỗi nhánh chính viết một nội dung lớn của chủ đề hoặc các ý tưởng có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên.

- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó.

- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

14. Kỹ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”

- Giáo viên đưa ra một câu chuyện/một vấn đề/một bức tranh/ một thông điệp/... mới chỉ được

giải quyết một phần và yêu cầu học sinh/nhóm học sinh hoàn tất nốt phần còn lại.

- Học sinh/nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Học sinh/nhóm học sinh trình bày sản phẩm.

- Giáo viên hướng dẫn cả lớp cùng bình luận, đánh giá.

Lưu ý: Giáo viên cần hướng dẫn học sinh cụ thể để học sinh hiểu được nhiệm vụ của mình. Đây là một hoạt động tốt giúp học sinh đọc lại những tài liệu đã học hoặc đọc các tài liệu theo yêu cầu của giáo viên.

15. Kỹ thuật “Viết tích cực”

- Trong quá trình thuyết trình, giáo viên đặt câu hỏi và dành thời gian cho học sinh tự do viết câu trả lời. Giáo viên cũng có thể yêu cầu học sinh liệt kê ngắn gọn những gì học sinh biết về chủ đề đang học trong khoảng thời gian nhất định.

- Giáo viên yêu cầu một vài học sinh chia sẻ nội dung mà học sinh đã viết trước lớp.

Kỹ thuật này cũng có thể sử dụng sau tiết học để tóm tắt nội dung đã học, để phản hồi cho giáo viên về việc nắm kiến thức của học sinh và những chỗ học sinh còn hiểu sai.

16. Kỹ thuật “Đọc hợp tác” (Đọc tích cực)

Kỹ thuật này nhằm giúp học sinh tăng cường khả năng tự học và giúp giáo viên tiết kiệm thời gian đối với những bài học/phần đọc có nhiều nội dung nhưng không quá khó đối với học sinh.

Cách tiến hành như sau:

- Giáo viên nêu câu hỏi/yêu cầu định hướng học sinh đọc bài/phần đọc.

- Học sinh làm việc cá nhân:

+ Đoán trước khi đọc: Để làm việc này, học sinh cần đọc lướt qua bài đọc/phần đọc để tìm ra những gợi ý từ hình ảnh, tựa đề, từ/cụm từ quan trọng.

+ Đọc và đoán nội dung: Học sinh đọc bài/phần đọc và biết liên tưởng tới những gì mình đã biết và đoán nội dung khi đọc những từ hay khái niệm mà học sinh phải tìm ra.

+ Tìm ý chính: Học sinh tìm ra ý chính của bài/phần đọc qua việc tập trung vào các ý quan trọng theo cách hiểu của mình.

+ Tóm tắt ý chính.

- Học sinh chia sẻ kết quả đọc của mình theo nhóm 2, hoặc 4 người và giải thích cho nhau những thắc mắc (nếu có), thống nhất với nhau ý chính của bài/phần đọc.

- Học sinh nêu câu hỏi để giáo viên giải đáp (nếu có).

Lưu ý: Một số câu hỏi giáo viên thường dùng để giúp học sinh tóm tắt ý chính:

- Em có chú ý gì khi đọc . . . ?
- Em nghĩ gì về . . . ?
- Em so sánh A và B như thế nào?
- A và B giống và khác nhau như thế nào?

[...]

17. Kỹ thuật “Nói cách khác”

- Giáo viên chia học sinh thành các nhóm, yêu cầu các nhóm hãy liệt kê ra giấy khổ lớn 10 điều không hay mà thỉnh thoảng người ta vẫn nói về một ai đó/việc gì đó.

- Tiếp theo, yêu cầu các nhóm hãy tìm 10 cách hay hơn để diễn đạt cùng những ý nghĩa đó và tiếp tục ghi ra giấy khổ lớn.

- Các nhóm trình bày kết quả và cùng nhau thảo luận về ý nghĩa của việc thay đổi cách nói theo hướng tích cực.

18. Kỹ thuật phân tích phim

Phim video có thể là một trong các phương

tiện để truyền đạt nội dung bài học. Phim nên tương đối ngắn gọn (5 - 20 phút). Giáo viên cần xem qua trước để đảm bảo phim phù hợp để chiếu cho học sinh xem.

- Trước khi cho học sinh xem phim, hãy nêu một số câu hỏi thảo luận hoặc liệt kê các ý mà học sinh cần tập trung. Làm như vậy sẽ giúp học sinh chú ý tốt hơn.

- Học sinh xem phim.

- Sau khi xem phim video, yêu cầu học sinh làm việc một mình hoặc theo cặp và trả lời các câu hỏi hoặc viết tóm tắt những ý cơ bản về nội dung phim đã xem.

19. Kỹ thuật tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm

Hoạt động này giúp học sinh hiểu và mở rộng hiểu biết của học sinh về những tài liệu đã đọc bằng cách thảo luận, nghe, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

Cách thực hiện như sau:

- Học sinh làm việc theo nhóm nhỏ, đọc to tài liệu được phát, thảo luận về ý nghĩa của nó, chuẩn bị trả lời các câu hỏi về bài đọc.

- Đại diện nhóm trình bày các ý chính cho cả lớp.

- Sau đó, các thành viên trong nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi của các bạn khác trong lớp về bài đọc.

Ngoài việc lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học phù hợp, giáo viên cần lưu ý trong quá trình kiểm tra, đánh giá:

- Kiến thức, kỹ năng được kiểm tra, đánh giá không được ngoài phạm vi kiến thức, kỹ năng đã học.

- Ưu tiên kiểm tra, đánh giá kỹ năng, năng lực hành động của học sinh: nghĩ và làm; tạo điều kiện cho học sinh tự khẳng định mình trong giao tiếp, ứng xử.

- Chú trọng những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực và phù hợp với trình độ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống.

III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN MỘT BÀI DẠY HỌC CÓ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

Một bài dạy học có giáo dục kỹ năng sống thường được thực hiện theo 4 bước sau:

Các bước	Mục đích	Mô tả quá trình thực hiện	Vai trò của giáo viên và học sinh/gợi ý một số kỹ thuật dạy học
1. Khám phá	- Kích thích học sinh tự tìm hiểu xem các em đã biết gì về những khái niệm, kiến thức, kỹ năng... sẽ được học. - Giúp giáo viên đánh giá/xác định xem học sinh đã biết gì, có kinh nghiệm gì, có kỹ năng gì liên quan đến bài mới.	- Giáo viên (cùng với học sinh) thiết kế hoạt động (có tính chất trải nghiệm). - Giáo viên (cùng với học sinh) đặt các câu hỏi nhằm gợi lại những hiểu biết đã có liên quan đến bài học mới. - Giáo viên giúp học sinh xử lý/phân tích các hiểu biết hoặc trải nghiệm của học sinh, tổ chức và phân loại chúng.	- Giáo viên đóng vai trò lập kế hoạch, khởi động, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, ghi chép... - Học sinh cần chia sẻ, trao đổi, phản hồi, xử lý thông tin, ghi chép... - Một số kỹ thuật dạy học chính: động não, thảo luận, chơi trò chơi tương tác, đặt câu hỏi,...

Các bước	Mục đích	Mô tả quá trình thực hiện	Vai trò của giáo viên và học sinh/gợi ý một số kỹ thuật dạy học
2. Kết nối	- Giới thiệu thông tin, kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc tạo “cầu nối” liên kết giữa cái “đã biết” với cái “chưa biết”. Cầu nối này sẽ kết nối kinh nghiệm hiện có của học sinh với bài học mới.	- Giáo viên giới thiệu mục tiêu bài học và kết nối chúng với các vấn đề đã chia sẻ ở bước 1. - Giáo viên giới thiệu kiến thức và kỹ năng mới. - Giáo viên kiểm tra xem kiến thức và kỹ năng mới đã được cung cấp toàn diện và chính xác chưa. - Nêu ví dụ khi cần thiết.	- Giáo viên nên đóng vai trò của người hướng dẫn (facilitator); học sinh là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/trả lời. - Một số kỹ thuật dạy học: thảo luận theo nhóm, người học trình bày, khách mời, đóng vai, sử dụng phương tiện dạy học đa chức năng (chiếu phim, bảng, đài, đĩa...).

Các bước	Mục đích	Mô tả quá trình thực hiện	Vai trò của giáo viên và học sinh/gợi ý một số kỹ thuật dạy học
3. Thực hành/ Luyện tập	- Tạo cơ hội cho người học thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. - Định hướng để học sinh thực hành đúng cách. - Điều chỉnh những hiểu biết và kỹ năng còn sai lệch.	- Giáo viên thiết kế/chuẩn bị hoạt động mà theo đó yêu cầu học sinh phải sử dụng kiến thức và kỹ năng mới. - Học sinh làm việc theo nhóm, cặp hoặc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. - Giáo viên giám sát tất cả mọi hoạt động và điều chỉnh khi cần thiết.	- Giáo viên nên đóng vai trò của người hướng dẫn (facilitator), người hỗ trợ. - Học sinh đóng vai trò người thực hiện, người khám phá. - Một số kỹ thuật dạy học: đóng kịch ngắn, viết luận, mô phỏng, hỏi/đáp, trò chơi, thảo luận nhóm/ tranh luận...

Các bước	Mục đích	Mô tả quá trình thực hiện	Vai trò của giáo viên và học sinh/gọi ý một số kỹ thuật dạy học
		- Giáo viên khuyến khích học sinh thể hiện những điều các em suy nghĩ hoặc mối lĩnh hội được.	
4. Vận dụng	- Tạo cơ hội cho học sinh tích hợp, mở rộng và vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống/bối cảnh mới.	- Giáo viên (cùng với học sinh) lập kế hoạch các hoạt động đối với nhiều môn học/lĩnh vực học tập đòi hỏi học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng mới. - Học sinh làm việc theo nhóm, cặp và cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.	- Giáo viên đóng vai trò người hướng dẫn và người đánh giá. - Học sinh đóng vai trò người lập kế hoạch, người sáng tạo, thành viên nhóm, người giải quyết vấn đề, người trình bày và người đánh giá.

Các bước	Mục đích	Mô tả quá trình thực hiện	Vai trò của giáo viên và học sinh/gợi ý một số kỹ thuật dạy học
		- Giáo viên và học sinh cùng tham gia hỏi và trả lời trong suốt quá trình tổ chức hoạt động. - Giáo viên có thể đánh giá kết quả học tập của học sinh tại bước này.	- Một số kỹ thuật dạy học: dạy học hợp tác, làm việc nhóm, trình bày cá nhân, dạy học dự án...

Trên đây là định hướng chung về mục tiêu, nội dung, phương pháp và các bước thực hiện một bài dạy học có giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Các định hướng này sẽ được thể hiện cụ thể trong từng bài giảng của môn học. Tuy nhiên, tùy đặc trưng môn học, cấp học mà có thể tập trung vào giáo dục các kỹ năng sống khác nhau cũng như sử dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực khác nhau.

IV. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH

1. Tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các môn học

1.1. Môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật

a) Mục tiêu

Theo Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức,

pháp luật, kinh tế, giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Giáo dục công dân được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, nhất là các môn khoa học xã hội và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó môn Đạo đức (ở cấp tiểu học), Giáo dục công dân (ở cấp trung học cơ sở), Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông) là những môn học cốt lõi.

b) Nội dung

Nội dung chủ yếu của các môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Các mạch nội dung của các môn học này phát triển xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân, với người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên; được xây dựng trên cơ sở kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và toàn cầu; mở rộng và nâng

cao dần từ tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông.

Nội dung giáo dục công dân được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Do đó, môn học này có khả năng giáo dục nhiều kỹ năng sống cho học sinh, cụ thể là:

- Kỹ năng tự nhận thức.
- Kỹ năng xác định giá trị.
- Kỹ năng kiểm soát cảm xúc.
- Kỹ năng ứng phó với căng thẳng.
- Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.
- Kỹ năng thể hiện sự tự tin.
- Kỹ năng kiên định.
- Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm.
- Kỹ năng đặt mục tiêu.
- Kỹ năng quản lý thời gian.
- Kỹ năng giao tiếp.
- Kỹ năng lắng nghe tích cực.
- Kỹ năng thể hiện sự cảm thông.
- Kỹ năng thương lượng.
- Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.
- Kỹ năng hợp tác.

- Kỹ năng từ chối.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.
- Kỹ năng tư duy phê phán.
- Kỹ năng tư duy sáng tạo.
- Kỹ năng ra quyết định.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

Ngoài những kỹ năng sống đó, môn học này còn có ưu thế trong việc hình thành và phát triển ở học sinh kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng.

Cũng như kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng là một thành phần quan trọng của kỹ năng giao tiếp; là khả năng có thể diễn đạt ý kiến, quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc, nhu cầu của bản thân thông qua ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười,...) một cách phù hợp với đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp và văn hóa.

Kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng đòi hỏi nội dung trình bày phải đúng chủ đề, thông tin đầy đủ, chính xác, được sắp xếp một cách hợp lý, logic và phù hợp với nhu cầu, trình độ của đối tượng giao tiếp; cách trình bày phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu và hấp dẫn đối tượng giao tiếp.

Đặc biệt, khi trình bày một vấn đề trước đông người cần:

- Tôn trọng nhu cầu của người nghe.

- Kết hợp giữa trình bày bằng ngôn ngữ nói với ngôn ngữ cơ thể và các phương tiện hỗ trợ khác (tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, băng video,...) một cách hợp lý để hấp dẫn và dễ hiểu đối với người nghe.

- Có sự tương tác với người nghe trong khi trình bày (hướng nhìn về phía người nghe, đặt câu hỏi cho người nghe, trả lời những câu hỏi của người nghe, mỉm cười với người nghe, động viên khích lệ người nghe,...).

- Đảm bảo thời gian trình bày theo quy định.

- Biết quan sát để kịp thời nhận biết được những phản ứng tích cực/tiêu cực của người nghe; biết điều chỉnh hợp lý, kịp thời nội dung và cách trình bày của mình khi cần thiết.

- Biết kiểm soát cảm xúc của bản thân; không có những lời nói, cử chỉ, hành động làm tổn thương, xúc phạm người nghe.

Kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng được dựa trên các kỹ năng sống khác như: kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng giải quyết vấn đề,...

c) Tổ chức dạy học

- *Dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật dựa trên cách tiếp cận kỹ năng sống.*

Giáo dục công dân bao gồm cả việc trang bị kiến thức, bồi dưỡng tình cảm, thái độ và hình thành các kỹ năng, hành vi của người công dân cho học sinh. Mục tiêu cũng như nội dung, phương pháp dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật vốn đã chứa đựng trong đó các yếu tố của giáo dục kỹ năng sống. Các kỹ năng sống như kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiên định, kỹ năng ứng phó với căng thẳng, kỹ năng từ chối, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác,... chính là những kỹ năng sống cần thiết để giúp người học có thể ứng phó, giải quyết một cách tích cực, có hiệu quả trước những tình huống, vấn đề của cuộc sống, khắc phục được sự không thống nhất giữa nhận thức và hành vi của người học. Vì vậy, dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật luôn gắn với giáo dục kỹ năng sống

Để hình thành các kỹ năng sống cho học sinh, cần phải sử dụng các phương pháp đặc trưng như: động não, thảo luận nhóm, đóng vai, tổ chức trò chơi, dự án, nghiên cứu trường hợp điển hình, tranh luận, tọa đàm, nêu gương,...

- Dạy học kỹ năng sống trong các môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật phải gắn với thực tiễn cuộc sống của học sinh.

Về bản chất, Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật là những môn học giáo dục học sinh cách sống và ứng xử phù hợp với các giá trị xã hội, với quyền và nghĩa vụ của người công dân. Chính vì vậy, để phát huy được các kỹ năng sống ở học sinh, dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật có hiệu quả cần gắn nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống của học sinh. Cụ thể là giáo viên cần tăng cường sử dụng các tình huống, các trường hợp điển hình, các hiện tượng thực tế, các vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội để phân tích, đối chiếu, chứng minh cho nội dung bài học. Đồng thời cũng cần khuyến khích học sinh liên hệ, tự liên hệ; tiến hành điều tra, tìm hiểu, phân tích, đánh giá các sự kiện trong đời sống thực tiễn của lớp học, nhà trường, địa phương, đất nước hoặc thế giới trong quá trình học tập. Đặc biệt, cần tạo cơ hội và hướng dẫn học sinh xây dựng và thực hiện các dự án nhỏ để góp phần cải thiện môi trường tự nhiên và xã hội của lớp học, trường học và địa phương.

1.2. Môn Lịch sử

a) Mục tiêu

Theo quy định tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lịch sử là môn học thuộc nhóm khoa học xã

hội, gồm 2 phần: phần bắt buộc đối với tất cả học sinh và phần lựa chọn cho học sinh chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp ở cấp trung học phổ thông.

Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học; đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, giúp học sinh nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Môn Lịch sử hình thành, phát triển cho học sinh tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại.

Môn Lịch sử giúp học sinh nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu

đối với lịch sử, văn hóa dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng cho học sinh lựa chọn những nghề nghiệp như: nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, ngoại giao, quản lý, hoạt động du lịch, công nghiệp văn hóa, thông tin - truyền thông,... Bộ môn Lịch sử cung cấp kiến thức, hình thành và phát triển kỹ năng cho học sinh thông qua các hoạt động khác nhau của xã hội loài người trong tiến trình lịch sử. Thông qua các phương pháp dạy học của giáo viên, kiến thức được truyền tải một cách sinh động, cụ thể, khách quan. Qua đó tác động đến tính tích cực, tư tưởng, tình cảm và nhân cách của học sinh.

Bài giảng Lịch sử của người giáo viên ở trên lớp, nếu được sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp sẽ giúp cho học sinh như được sống lại với các sự kiện lịch sử, từ đó nảy sinh xúc cảm, tình cảm, bộc lộ thái độ của học sinh đối với các sự kiện lịch sử.

Nếu có phương pháp dạy học đúng đắn, phù hợp sẽ phát triển cho học sinh kỹ năng tư duy lịch sử. Mỗi một bộ môn trong nhà trường phải góp phần phát triển những kỹ năng cho phù hợp với đặc thù bộ môn.

b) Yêu cầu

Khi con người ra đời, lịch sử xã hội loài người cũng bắt đầu. Lịch sử xã hội là một bộ phận của

lịch sử thế giới tự nhiên, là sự tiếp tục của lịch sử Trái Đất. Con người và xã hội loài người luôn luôn gắn bó và tồn tại, được hình thành từ kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong xã hội loài người, con người chịu ảnh hưởng của kỹ năng sống và tác động trở lại kỹ năng sống một cách tích cực. Vì vậy, khi tìm hiểu về lịch sử xã hội loài người không thể không tìm hiểu những điều kiện xã hội làm cơ sở hình thành, phát triển kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong quá trình con người tồn tại và phát triển.

Kỹ năng sống bao gồm các yếu tố xã hội và các mối quan hệ của xã hội quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.

Kỹ năng sống và con người có mối quan hệ mật thiết - mối quan hệ hữu cơ, tác động tương hỗ trong suốt quá trình hình thành và phát triển của con người.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, con người đã hình thành nên các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng để thích ứng với cuộc sống khác để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên ở mỗi thời đại, con người hình thành các kỹ năng sống theo các phương thức riêng tùy thuộc vào trình độ phát triển của xã hội loài người, sự phát triển của công nghệ khai thác, chinh phục thế giới tự nhiên.

Trong thời kỳ nguyên thủy, kỹ năng sống của con người còn sơ khai, mới chỉ là các kỹ năng sống để chinh phục và cải tạo thiên nhiên phục vụ cho đời sống con người. Xã hội ngày một phát triển, sự lệ thuộc này giảm bớt; các kỹ năng sống của con người ngày càng nâng cao hướng tới cải tạo, chinh phục tự nhiên, xã hội và các cuộc đấu tranh giai cấp, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Môn Lịch sử giúp học sinh hiểu quá trình con người đã hình thành các kỹ năng sống như thế nào và tác động vào xã hội như thế nào và sự tác động đó đã đem lại những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào cho con người; từ những nghiên cứu về quy luật tác động và hệ quả tác động của kỹ năng sống đối với con người và xã hội loài người mà môn Lịch sử cũng góp phần dự báo những con đường tác động tiếp theo của kỹ năng sống đối với con người và xã hội loài người, đưa ra những hướng thay đổi tích cực. Thông qua đó, giáo dục cho học sinh ý thức về kỹ năng sống, khơi dậy những ý tưởng, sự mong muốn phát triển các kỹ năng sống và tìm kiếm các giải pháp phát triển các kỹ năng sống phù hợp cho hôm nay và mai sau. Đồng thời, giáo dục kỹ năng sống qua môn Lịch sử còn có mục đích giáo dục học sinh trân trọng những giá trị của các kỹ năng sống mà cha ông để lại.

Như vậy, việc giáo dục kỹ năng sống trong môn Lịch sử giúp cho học sinh hiểu rõ, hiểu sâu hơn sự hình thành các kỹ năng trong quá trình phát triển của xã hội loài người, đó là: kỹ năng tự nhận thức; kỹ năng thể hiện sự cảm thông; kỹ năng thương lượng; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng hợp tác; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng kiên định; kỹ năng đảm nhận trách nhiệm; kỹ năng đặt mục tiêu;...

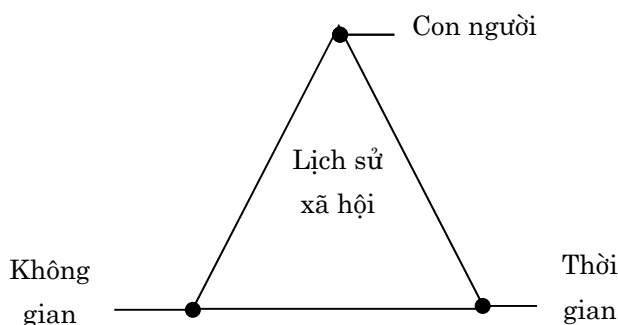
Việc tìm hiểu kỹ năng sống trong các mối quan hệ của con người và sự phát triển lịch sử của xã hội không chỉ nâng cao chất lượng bộ môn Lịch sử mà quan trọng hơn là giáo dục ý thức về kỹ năng sống để phát triển toàn diện. Đây là một nhiệm vụ quan trọng của việc giáo dục lịch sử và qua đó hình thành cho học sinh thế giới quan khoa học.

c) Nội dung

- Xác định nội dung giáo dục kỹ năng sống trong môn Lịch sử.

Việc giáo dục kỹ năng sống trong môn Lịch sử phải thông qua nội dung môn học. Bởi vì, lịch sử thế giới và dân tộc (kể cả lịch sử địa phương) gắn với những mối quan hệ xã hội, trong đó có kỹ năng sống, cho nên ở tất cả các thời kỳ lịch sử đều có thể khai thác nội dung các kiến thức lịch sử cơ bản,

được dạy học theo chương trình và sách giáo khoa đều có thể tiến hành giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Song như vậy sẽ làm cho việc học tập lịch sử trở nên nặng nề, công thức mà không thể hiện được đặc trưng của bộ môn - tính lịch sử của các sự kiện, nhân vật đang học. Tính lịch sử là một đặc trưng cơ bản của môn học: mọi sự kiện, quá trình, nhân vật lịch sử đều xảy ra trong điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định. Các nhà giáo dục đã mô hình hoá sự phát triển của lịch sử xã hội loài người (và dân tộc) bằng một hình tam giác mà mỗi điểm giao nhau của hai cạnh thể hiện các yếu tố: thời gian, không gian và con người và diện tích của tam giác là lịch sử xã hội.



Không có ba yếu tố cơ bản này sẽ không có xã hội và lịch sử xã hội: Con người là chủ thể lịch sử, không có con người sẽ không có lịch sử. Không gian là điều kiện tự nhiên mà con người hình

thành, tồn tại và phát triển. Thời gian là quá trình con người hình thành, phát triển qua các thời điểm nhất định. Ba yếu tố này có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại với nhau, chủ yếu là yếu tố con người và không gian. Do đó, khi học tập lịch sử xã hội phân tích đến các yếu tố của xã hội và thông qua nội dung lịch sử hiểu rõ hơn các mối quan hệ trong xã hội, trong đó kỹ năng sống có vai trò quan trọng.

Thông qua việc dạy học về các thời kỳ phát triển của xã hội loài người, môn Lịch sử giúp học sinh hiểu cách thức con người giao tiếp và cư xử với nhau và kỹ năng sống bắt đầu hình thành từ đó.

Trong thời kỳ đầu của xã hội loài người, với trình độ phát triển còn thấp, con người chủ yếu là khai thác các nguồn tài nguyên sẵn có để sống. Phương thức khai thác đơn giản, chủ yếu là hái lượm, săn bắt, từ các hoạt động kiếm sống đó đã dần hình thành nên kỹ năng sống như: kỹ năng săn bắt, kỹ năng hái lượm, kỹ năng làm nhà để ở...

Dần dần, số lượng người tăng lên, việc khai thác các tài nguyên động, thực vật sẵn có không còn đáp ứng được nhu cầu, con người đã bắt đầu tự trồng thêm cây, nuôi thêm con. Do đó, đã xuất hiện phương thức canh tác mới, từ đó kỹ năng sống ngày càng đa dạng và phong phú hơn.

Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật đã đem tới diện sắc mới cho cuộc sống của con người. Con người đã có xe để di chuyển, có điện để thắp sáng, có một cuộc sống tiện nghi hơn, kỹ năng sống của con người ngày càng hoàn thiện hơn.

- Nguyên tắc tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong môn Lịch sử

Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến những nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng phương pháp giáo dục kỹ năng sống, trong đó, yêu cầu về sự phạm cần thực hiện gồm những điểm sau:

Thứ nhất, chương trình tích hợp kỹ năng sống trong dạy học lịch sử không phải là một chương trình độc lập, hoặc tiến hành song song hai chương trình này. Làm như vậy sẽ khiến cho việc dạy học bộ môn thêm nặng nề, quá tải mà hiệu quả giáo dục không cao.

Nguyên tắc tích hợp ở đây không phải là một phép cộng nội dung dạy học hai nội dung độc lập - kỹ năng sống vào chương trình Lịch sử và liên hệ, đối chiếu. Nguyên tắc tích hợp được thực hiện ở mức độ cao là lồng ghép kiến thức về giáo dục kỹ năng sống vào môn Lịch sử để làm cho hiệu quả dạy học có chất lượng cao hơn. Điều này có nghĩa là phải lấy kiến thức lịch sử làm nội dung chính và sử dụng các kiến thức về kỹ năng sống để hướng

việc dạy học lịch sử nhằm giáo dục học sinh về thái độ, hành vi...

Thứ hai, việc tích hợp kỹ năng sống trong dạy học lịch sử không cần phải tiến hành trong toàn bộ chương trình của môn học qua tất cả các chương, bài cụ thể. Điều quan trọng là cần chọn lựa, xác định nội dung một số bài cụ thể (đúng hơn là các loại bài của chương trình) có sở trường, ưu thế trong việc giáo dục kỹ năng sống (vấn đề này sẽ được trình bày chi tiết ở phần sau).

Thứ ba, việc tích hợp kỹ năng sống trong dạy học lịch sử không chỉ tiến hành trong bài nội khoá (dù hình thức dạy học này có vai trò quan trọng bậc nhất trong kỹ năng sống) mà có thể tiến hành tích hợp kỹ năng sống theo các chủ đề lịch sử trong các hoạt động ngoại khoá, kết hợp bài học nội khoá với hoạt động ngoại khoá, đặc biệt là trong các bài dạy học lịch sử địa phương, dạng bài tại thực địa, tiến hành cùng công tác công ích của xã hội.

Thứ tư, không làm tăng nội dung học tập dẫn đến quá tải. Các nội dung có liên quan cần được nghiên cứu kỹ, chọn lọc cẩn thận, và gia công về cách thức dẫn dắt, liên hệ, đảm bảo cho học sinh vừa nắm vững kiến thức lịch sử, vừa có thể tăng thêm kiến thức về kỹ năng sống, có ý thức giữ gìn, phát triển và tuyên truyền cho những người khác biết về kỹ năng sống.



Dạy học lịch sử qua trải nghiệm hướng nghiệp
và trải nghiệm thực tế

*Nguồn: Tư liệu Trường Trung học phổ thông Chu Văn An,
Hà Nội.*

Thứ năm, bồi dưỡng kỹ năng sống, phát huy tính tích cực của học sinh khi dạy học lịch sử. Đây là việc vận dụng nguyên tắc, phương hướng giáo dục của Đảng về giáo dục, về tự giáo dục, hình thành và phát triển năng lực của học sinh trên cơ sở phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo.

Ở đây có hai vấn đề cần lưu ý:

- Làm cho học sinh tự nguyện, năng động, tự giác, tích cực học tập môn Lịch sử, tích hợp với nội dung giáo dục kỹ năng sống cần khơi dậy ở các em nhận thức cần thiết phải học tập, giáo dục (tự học, tự giáo dục), say mê, hứng thú học tập.

- Bồi dưỡng năng lực, rèn luyện các kỹ năng trong việc học tập, tự giáo dục, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của cuộc sống, có những thái độ và hành vi ứng xử đúng mực.

Thứ sáu, thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học kỹ năng sống trong dạy học môn Lịch sử, xoá bỏ triệt để phương pháp “độc thoại”, thầy đọc, trò chép, thầy nói, trò nghe. Cách dạy một chiều lấy “giáo viên làm trung tâm” sẽ làm cho học sinh bị động trong tiếp thu kiến thức, mà phải lấy học sinh làm chủ thể của hoạt động nhận thức (học tập). Đồng thời, phải thực hiện nguyên lý “lý luận đi đôi với thực hành”. Nguyên lý này rất quan trọng đối với việc giáo dục kỹ năng sống, vì nó gắn

với những hiểu biết về lịch sử và các môn học khác liên quan (ở đây lại có sự tích hợp giữa kiến thức lịch sử với các kiến thức khác) trong việc giáo dục kỹ năng sống.

Trên đây là những yêu cầu, nguyên tắc, phương pháp luận giúp chúng ta nhận thức về vai trò, vị trí của môn Lịch sử trong việc giáo dục kỹ năng sống, thông qua nội dung và phương pháp dạy học bộ môn.

1.3. Môn Ngữ văn

a) Mục tiêu chung

Theo Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo dục ngôn ngữ và văn học có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng và hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Thông qua ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật, nhà trường bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tính trung thực và ý thức trách nhiệm; hình thành, phát triển cho học sinh các năng lực chung và hai năng lực đặc thù là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Ngoài nhiệm vụ hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt, ngoại ngữ và tiếng

dân tộc thiểu số, giáo dục ngôn ngữ và văn học còn giúp học sinh sử dụng hiệu quả những phương tiện giao tiếp khác như: hình ảnh, biểu tượng, ký hiệu, sơ đồ, đồ thị, bảng biểu,...

Giáo dục ngôn ngữ được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó Ngữ văn, Ngoại ngữ và Tiếng dân tộc thiểu số có vai trò chủ đạo. Giáo dục văn học được thực hiện chủ yếu ở môn Ngữ văn.

Ngữ văn là môn học bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, môn học có tên là Tiếng Việt, ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, môn học có tên là Ngữ văn. Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

- Giai đoạn giáo dục cơ bản:

Môn Ngữ văn (Tiếng Việt) giúp học sinh sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học và hoạt động giáo dục khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn, nhân cách.

Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi cấp học.

- Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:

Môn Ngữ văn củng cố các mạch nội dung của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp học sinh nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lý luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học.

Ngoài ra, trong mỗi năm học, những học sinh có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

Mục tiêu và nội dung môn Ngữ văn đã chứa đựng những yếu tố của giáo dục kỹ năng sống, phù hợp với các nội dung cơ bản của giáo dục kỹ năng sống, bao gồm: kỹ năng tư duy sáng tạo (nêu vấn đề,

tìm kiếm và xử lý thông tin, bình luận, phân tích đối chiếu, phê phán, bác bỏ); kỹ năng hợp tác nhóm (thảo luận, tham gia hiệu quả); kỹ năng giao tiếp (lắng nghe, phản hồi, trình bày, ứng xử giao tiếp, cảm thông, chia sẻ); kỹ năng ra quyết định (giải quyết vấn đề, ứng phó tình huống, thương lượng); kỹ năng tự nhận thức (tự tin, tự trọng, tự xác định giá trị); kỹ năng tự quản bản thân (đặt mục tiêu, lập kế hoạch, quản lý thời gian, chịu trách nhiệm, tự điều chỉnh cá nhân,...), phù hợp với cách tiếp cận làm thay đổi hành vi của người học trên cơ sở nhận thức về các vấn đề của cuộc sống. Vì vậy có thể triển khai giáo dục kỹ năng sống vào các nội dung của môn học mà không cần phải đưa thêm thông tin, kiến thức làm nặng thêm nội dung môn học.

Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, mục tiêu của giáo dục phổ thông, trong đó có mục tiêu của môn học Ngữ văn đã có những chuyển biến đáng kể, từ việc tập trung truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển năng lực cần thiết cho người học.

Ngoài việc tham gia vào việc hình thành và phát triển các năng lực chung, cần thiết để người học có thể tham gia hiệu quả nhiều loại hoạt động trong đời sống xã hội và cho học tập suốt đời (ví dụ: năng lực nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề,

năng lực hợp tác, năng lực tự học...), bộ môn Ngữ văn tập trung hình thành và phát triển ở người học những năng lực đặc thù.

**Dạy học Ngữ văn theo hình thức trải nghiệm
giữa lòng di sản**



Nguồn: Tư liệu Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quảng Điền, Huế.

Đề cao mục tiêu hình thành và phát triển năng lực ngữ văn, mà trước hết là năng lực giao tiếp với việc sử dụng thành thạo 4 kỹ năng cơ bản: *đọc, viết, nghe, nói*, việc lựa chọn kiến thức (văn học, tiếng Việt...) cần *cơ bản, hiện đại* nhưng phải hướng tới phục vụ cho yêu cầu phát triển năng lực, tránh những kiến thức kinh viện, không thiết thực và không quá chú trọng tính hệ thống (hệ thống lịch sử văn học, hệ thống ngôn ngữ...).

Môn Ngữ văn vừa chú ý mục tiêu giáo dục theo yêu cầu của xã hội vừa quan tâm đến nhu cầu, sở thích của cá nhân người học và người dạy để xác định nội dung chương trình học tập. Đặc biệt, bộ môn tập trung hình thành và phát triển các năng lực chuyên biệt như: năng lực cảm thụ văn học, năng lực diễn kịch...

Theo định hướng đổi mới chung, môn Ngữ văn cùng với các môn học khác coi trọng khả năng “làm được”, “vận dụng được” những gì đã học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống, qua đó phát triển tư duy, óc sáng tạo nhằm “*nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội*”.

b) Hướng dẫn tổ chức dạy học

Để các hoạt động tổ chức dạy học diễn ra hợp lý, khoa học, hiệu quả, khi chuẩn bị bài soạn tích hợp, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau:

Về mục tiêu bài học, ngoài mục tiêu về kiến thức và thái độ cần đạt được như giờ dạy bình thường, thì phần mục tiêu về kỹ năng cần xác định rõ kỹ năng chuyên môn và kỹ năng sống mà học sinh có thể hình thành sau bài học.

Ví dụ: Khi dạy thơ ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo viên ngoài việc giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn Bác, từ đó bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, trân trọng nhân cách cao đẹp của Người, cần lưu ý rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn (đọc - hiểu tác phẩm trữ tình, phân tích một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt theo đặc trưng thể loại) cũng như các kỹ năng sống cơ bản như: giao tiếp (giữa giáo viên và học sinh, học sinh với văn bản, học sinh với học sinh, học sinh với môi trường sống xung quanh), tư duy sáng tạo (vận dụng hiểu biết của cá nhân về đặc trưng thể loại để khai thác vẻ đẹp thiên nhiên và con người thông qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ), tự nhận thức (thông qua tìm hiểu bài thơ, giáo viên định hướng cho học sinh biết cảm thông, chia sẻ với người lao động trong cuộc sống).

Về cách thức tiến hành, giáo viên chủ động lựa chọn các phương pháp/kỹ thuật dạy học tích cực để sử dụng trong quá trình dạy học, kết hợp với việc sử dụng các phương tiện dạy học như: sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ giảng dạy (máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập,...).

Trở lại với giờ dạy tích hợp kỹ năng sống trong sáng tác thơ ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài giáo án và sách giáo khoa, giáo viên có thể tổ chức giờ dạy bằng các phương pháp/kỹ thuật dạy học tích cực như: động não, đặt câu hỏi, thảo luận, trình bày...

Để tổ chức một giờ giáo dục kỹ năng sống, giáo viên có thể triển khai theo 4 bước/giai đoạn: khám phá, kết nối, thực hành/luyện tập và vận dụng. Tuy nhiên, căn cứ mục tiêu bài học cụ thể, đặc điểm đối tượng, điều kiện dạy học cụ thể, giáo viên có thể lựa chọn cách tiến hành, lựa chọn phương pháp phù hợp để triển khai nội dung dạy học sao cho đạt được kết quả như mong đợi:

Các bước	Mục đích	Gợi ý giảng dạy
1. Khám phá	- Kích thích học sinh tự tìm hiểu; huy động những hiểu biết đã có của người học về những	- Giáo viên thiết kế, tổ chức khởi động, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, ghi chép...

Các bước	Mục đích	Gợi ý giảng dạy
	khái niệm, kiến thức, kỹ năng sẽ được học. - Giúp đánh giá/xác định thực trạng (kiến thức, kỹ năng...) của người học trước khi giới thiệu vấn đề mới.	- Học sinh thực hiện những hoạt động có tính chất trải nghiệm, chia sẻ, trao đổi, phản hồi, xử lý thông tin, ghi chép... - Một số kỹ thuật dạy học có thể áp dụng: động não, phân tích, thảo luận, chơi trò chơi tương tác, đặt câu hỏi...
2. Kết nối	- Giới thiệu thông tin, kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc tạo “cầu nối” liên kết giữa cái đã biết và chưa biết. Cầu nối này sẽ kết nối kinh nghiệm hiện có của người học với bài học mới.	- Giáo viên đóng vai trò người hướng dẫn: Giới thiệu mục tiêu bài học và kết nối chúng với các vấn đề đã chia sẻ ở bước 1; giới thiệu kiến thức và kỹ năng mới; kiểm tra xem kiến thức và kỹ năng mới đã được cung cấp toàn diện và chính xác chưa; nêu ví dụ minh họa khi cần thiết. - Học sinh phản hồi, trình bày quan điểm, ý kiến, đặt câu hỏi, trả lời...

Các bước	Mục đích	Gợi ý giảng dạy
		- Một số kỹ thuật dạy học có thể áp dụng: chia nhóm thảo luận, khách mời, đóng vai, sử dụng phương tiện đa chức năng (chiếu phim, băng, đĩa...).
3. Thực hành/ Luyện tập	- Tạo cơ hội cho người học thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng mới vào hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. - Định hướng để người học thực hành đúng cách. - Điều chỉnh những hiểu biết, kỹ năng còn sai lệch.	- Giáo viên đóng vai trò người hướng dẫn, hỗ trợ: thiết kế hoạt động yêu cầu người học sử dụng kiến thức và kỹ năng mới; giám sát và điều chỉnh hoạt động khi cần thiết; khuyến khích học sinh thể hiện suy nghĩ hoặc những điều mới lĩnh hội được. - Học sinh là người thực hiện, khám phá, có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, theo cặp. - Một số kỹ thuật dạy học có thể áp dụng: đóng kịch, viết luận, mô phỏng, hỏi - đáp, trò chơi, thảo luận, tranh luận,...

Các bước	Mục đích	Gợi ý giảng dạy
4. Vận dụng	- Tạo cơ hội cho người học tích hợp, mở rộng và vận dụng kiến thức, kỹ năng có được vào tình huống/bối cảnh mới.	- Giáo viên, học sinh cùng lập kế hoạch các hoạt động đối với nhiều môn học/lĩnh vực học tập đòi hỏi người học vận dụng kiến thức và kỹ năng mới. - Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, đánh giá. - Học sinh là người lập kế hoạch, sáng tạo, thành viên nhóm, giải quyết vấn đề, trình bày và đánh giá. - Một số kỹ thuật dạy học có thể áp dụng: dạy học hợp tác, làm việc nhóm, trình bày cá nhân, dạy học dự án...

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống

2.1. Tổ chức các hoạt động đa dạng và phong phú

Giáo dục kỹ năng sống phải thông qua các hoạt động giáo dục thường xuyên, liên tục để học sinh

được trải nghiệm kỹ năng sống. Do đó, tổ chức các hoạt động đa dạng và phong phú chính là để tạo cơ hội cho học sinh lĩnh hội kiến thức và hình thành, phát triển kỹ năng sống. Điều này có nghĩa là phải tổ chức cho học sinh hoạt động một cách tích cực, học sinh là người tham gia các hoạt động ấy, học sinh sẽ tự tìm tòi, khám phá... dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Ví dụ: Học sinh phải trao đổi, thảo luận để giải quyết nhiệm vụ, học sinh được đóng vai, được tham gia vào trò chơi học tập, đóng kịch, diễn xuất... Giáo viên chú ý tạo cho học sinh nhiều cơ hội thực hành, vận dụng, được thể hiện, được phát biểu trên lớp...

Thông qua hoạt động, học sinh lĩnh hội được tri thức, kỹ năng sống, hình thành thái độ, niềm tin, hệ thống giá trị mới.

Các hoạt động dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật rất phong phú, đa dạng, bao gồm các hình thức hoạt động như:

- Thảo luận lớp, thảo luận nhóm.
- Đóng vai, diễn tiểu phẩm.
- Quan sát, phân tích truyện, tranh ảnh, băng hình, tiểu phẩm, các trường hợp điển hình.
- Xử lý tình huống.
- Điều tra thực tiễn.

- Nhận xét, phân tích, đánh giá các ý kiến, quan điểm, các hành vi, việc làm.

- Liên hệ, tự liên hệ, đánh giá các thông tin, sự kiện, các hiện tượng trong đời sống thực tiễn có liên quan đến các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- Sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung bài học và trình bày, giới thiệu sản phẩm sưu tầm được.

- Xây dựng kế hoạch hành động của học sinh.

- Xây dựng và thực hiện các dự án thực tiễn.

- Chơi các trò chơi học tập.

...

Các hoạt động dạy học phải được giáo viên lựa chọn và sắp xếp đan xen nhau một cách hợp lý trong tiết học để vừa bảo đảm thực hiện được mục tiêu, nội dung bài học, vừa gây được hứng thú cho học sinh.

2.2. Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác

Dạy học theo hướng cá thể là dạy theo năng lực của từng đối tượng học sinh nhằm giúp họ học tập tốt hơn, phát huy hết khả năng của mình.

Để dạy học theo hướng cá thể có hiệu quả, giáo viên cần biết được trình độ nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lý, sức khỏe, hoàn cảnh của từng học sinh

để có phương pháp phù hợp. Giáo viên cần có hệ thống câu hỏi/bài tập chặt chẽ, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để đảm bảo học sinh yếu cũng có thể tham gia tìm hiểu nội dung bài; đồng thời kích thích được khả năng tư duy của học sinh khá, giỏi.

Trong dạy học môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật, giáo viên cần tạo cơ hội cho học sinh được hợp tác với giáo viên và hợp tác với nhau trong lớp, trong nhóm nhỏ. Cụ thể là giáo viên cần tạo cơ hội cho học sinh được bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân về vấn đề đang học; được nêu những băn khoăn, vướng mắc, đặt câu hỏi cho giáo viên, cho bạn; được trao đổi, tranh luận, chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm; được phản hồi và thu nhận thông tin phản hồi từ giáo viên và bạn bè; được cùng nhau xây dựng kế hoạch, chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đã được giao.

Việc học tập hợp tác sẽ làm tăng hiệu quả học tập, nhất là khi cần phải giải quyết những vấn đề gay cấn, lúc xuất hiện nhu cầu phối hợp thực sự giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Trong hoạt động hợp tác theo nhóm nhỏ, tính cách, kỹ năng sống của mỗi thành viên được bộc lộ, uốn nắn; tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ được phát triển. Sự hợp tác trong học tập sẽ giúp

học sinh làm quen/củng cố sự phân công hợp tác trong lao động xã hội, giúp học sinh hình thành các kỹ năng hợp tác, giao tiếp, tự tin,... rất cần thiết đối với người công dân sống trong một thế giới phát triển với những hoạt động hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia và xu hướng quốc tế hoá, toàn cầu hoá.



Học sinh tìm hiểu về an toàn giao thông

Nguồn: Tư liệu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn.

Nhờ việc phối hợp giữa học tập cá thể với học tập hợp tác mà học sinh vừa được thể hiện sự cố gắng, tự lực một cách độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi kiến thức mới.

Để dạy học hợp tác có kết quả, giáo viên cần xây dựng môi trường học tập thân thiện; xây dựng mối quan hệ gần gũi, cởi mở, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau giữa giáo viên với học sinh và giữa các học sinh trong lớp học.

2.3. Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm

The poster is for a contest at Trung Vuong High School. It features a large portrait of Ho Chi Minh on the left. The text on the right reads: 'TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ TRẤN VINH THẠNH', 'PHÁT ĐỘNG CUỘC THI Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HỒ CHÍ MINH', and 'NĂM 2022'. At the bottom left, it says 'TUẦN 1'. Below the portrait and text, there is a list of details: 1. Thời gian: Từ 10h00 ngày 12/9/2022 đến 22h00 ngày 18/9/2022; 2. Đối tượng: Cán bộ quản lý, giáo viên (dưới 35 tuổi), học sinh lớp 6, 7, 8, 9; 3. Hình thức: Trục tuyến trên website <http://hocvalamtheobac.vn>.

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ TRẤN VINH THẠNH

PHÁT ĐỘNG
CUỘC THI
Tuổi trẻ học tập và làm
theo tư tưởng,
đạo đức,
phong cách
HỒ CHÍ MINH
NĂM 2022

TUẦN 1

1. Thời gian: Từ 10h00 ngày 12/9/2022 đến 22h00 ngày 18/9/2022
2. Đối tượng: Cán bộ quản lý, giáo viên (dưới 35 tuổi), học sinh lớp 6, 7, 8, 9.
3. Hình thức: Trục tuyến trên website <http://hocvalamtheobac.vn>

Nguồn: Tư liệu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định.

Để hình thành, rèn luyện, phát triển kỹ năng sống cho học sinh, ngoài việc tổ chức lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học, các hoạt động giáo dục, các nhà trường tăng cường phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan, phụ huynh học sinh tổ chức các hoạt động

ngoại khóa như: các hoạt động về nguồn, nói chuyện truyền thống, viếng nghĩa trang liệt sĩ, thấp nển tri ân, các đợt sinh hoạt chính trị, chăm sóc di tích lịch sử, văn hóa, nghĩa trang liệt sĩ...

Tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào thanh niên tình nguyện, chương trình Học kỳ quân đội, Học làm người có ích,... Tổ chức, hướng dẫn, vận động, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, học tập thông qua các hoạt động như: Liên hoan Tiếng ca học đường-Vũ điệu tôi yêu, chương trình Gameshow Khi tôi 18, Gameshow Học mà vui, vui mà học, Hội thi tin học trẻ các cấp...



Hội thi Võ nhạc Vovinam

Nguồn: Tư liệu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.



Hội thi Giai điệu tuổi hồng

Nguồn: Tư liệu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

Theo định hướng phát triển năng lực học sinh, cần đổi mới các hoạt động giáo dục, trong đó đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó góp phần giáo dục kỹ năng sống. Các trường phổ thông tăng cường các hoạt động kết nối tri thức từ bài học trong chương trình giáo dục phổ thông với kinh nghiệm thực tiễn nhằm giải quyết các tình huống, các vấn đề trong cuộc sống. Từ các sân chơi tri thức, học sinh tích lũy cho mình các tri thức kinh nghiệm bổ sung cho các tri thức hàn lâm học trong sách vở. Được tham gia các hoạt động thực tiễn trong cuộc sống, học sinh rèn các kỹ năng sống như: giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo nhóm, ra

quyết định, kiên định... Từ các tình huống thực tiễn, học sinh dần tự tin, chủ động xử lý mọi tình huống trong cuộc sống, đồng thời tạo môi trường thuận lợi nhằm khơi gợi khả năng tư duy sáng tạo, biết phát huy thế mạnh cá nhân của từng học sinh.

Ngoài ra, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngoại khoá, các câu lạc bộ sẽ cuốn hút nhiều học sinh tham gia. Thông qua các hoạt động này sẽ giúp cho học sinh nâng cao nhận thức, lớn khôn thêm cả về thể chất lẫn tâm hồn để vững tin bước vào đời. Trong hoạt động này cần lưu ý kết hợp hài hoà giữa: “Học mà chơi, chơi mà học” theo đúng định hướng giáo dục.

2.4. Nâng cao hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp

Giáo viên chủ nhiệm phải có kế hoạch giáo dục học sinh, hằng tuần, hằng tháng phải có nhận xét, đánh giá xếp loại cụ thể về từng mặt cho từng học sinh, chỉ cho mỗi học sinh thấy được từng mặt mạnh, mặt yếu và có khen chê kịp thời; không nên có định kiến hẹp hòi với học sinh; nếu định kiến, hẹp hòi dễ làm cho các em mất niềm tin, bi quan, chán nản. Bên cạnh đó, giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh phải có mối quan hệ mật thiết, thường xuyên thông tin về tình hình học tập rèn luyện của con em để bàn biện pháp phối hợp giáo dục. Tăng cường kết hợp giữa gia đình, nhà trường và

xã hội để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nhằm thực hiện tốt đường lối “Xã hội hóa giáo dục” của Đảng và Nhà nước đã đề ra.



Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi tỉnh cấp tiểu học năm 2022 của tỉnh Nghệ An

Nguồn: baonghean.vn

PHỤ LỤC

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT CHỦ YẾU CỦA HỌC SINH
*(Nhóm tác giả tổng hợp từ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo
 Thông tư số 32/2018/TT/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Yêu nước	- Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên. - Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước. - Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham	- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương. - Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động	- Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Chủ động, tích cực tham gia và

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.	bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.	vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái			
Yêu quý	- Yêu thương, quan tâm, chăm	- Trân trọng danh dự, sức khỏe và	- Quan tâm đến mối quan hệ hài

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
mọi người	sóc người thân trong gia đình. - Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè. - Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. - Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.	cuộc sống riêng tư của người khác. - Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,... - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.	hoà với những người khác. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng	- Tôn trọng sự khác biệt của	- Tôn trọng sự khác biệt về nhận	- Tôn trọng sự khác biệt về lựa

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
sự khác biệt giữa mọi người	bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. - Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn. - Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.	thức, phong cách cá nhân của những người khác. - Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. - Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. - Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ			
Ham học	- Đi học đầy đủ, đúng giờ. - Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến	- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. - Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ	- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.	năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
Chăm làm	- Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân. - Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.	- Tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp, cộng đồng. - Có ý thức học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp; có hiểu biết về một nghề phổ thông.	- Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Trung thực			
	- Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. - Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt. - Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác. - Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	- Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. - Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. - Tôn trọng lễ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. - Không xâm phạm của công. - Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	- Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Trách nhiệm			
Có trách nhiệm với bản thân	- Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe. - Có ý thức sinh hoạt nề nếp.	- Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe. - Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lý đồ dùng của bản thân. - Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lý; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lý. - Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.	- Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Có ý thức sử dụng tiền hợp lý khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Có trách nhiệm với	- Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.	- Quan tâm đến các công việc của gia đình.	- Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
gia đình	- Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.	- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.	- Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	- Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. - Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. - Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.	- Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương. - Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp	- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm pháp luật.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	- Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp. - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.	sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng. - Tham gia, kết nối Internet và mạng xã hội đúng quy định; không tiếp tay cho kẻ xấu phát tán thông tin ảnh hưởng đến danh dự của tổ chức, cá nhân hoặc ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá, trật tự, an toàn xã hội.	
Có trách nhiệm với môi trường sống	- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. - Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.	- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên	- Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	- Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.	nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên. - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.	bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC

(Nhóm tác giả tổng hợp từ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC CHUNG CỦA HỌC SINH

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Năng lực tự chủ và tự học			
Tự lực	Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.	Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định	Có ý thức về quyền và	Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá	Biết khẳng định và bảo vệ quyền,

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.	nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.	nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	- Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác. - Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác.	- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi. - Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, cần quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu.	- Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng. - Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. - Biết tránh các tệ nạn xã hội.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	- Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mãi chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.	- Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động.	
Thích ứng với cuộc sống	- Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. - Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.	- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới. - Bình tĩnh trước những thay đổi bất ngờ của hoàn cảnh; kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định.	- Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân cần cho hoạt động mới, môi trường sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Định hướng nghề nghiệp	- Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân. - Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.	- Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. - Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. - Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở.	- Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. - Nắm được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề. - Xác định được hướng phát triển phù hợp sau trung học phổ thông; lập được kế hoạch, lựa chọn học các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	- Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học. - Nhận ra và sửa chữa sai	- Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện. - Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các	- Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	sốt trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô. - Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để cùng cố và mở rộng hiểu biết. - Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.	nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính. - Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập. - Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.	- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
			- Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác			
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	- Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân. - Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyền tranh, bài viết đơn giản.	- Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. - Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời	- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Tiếp nhận được các văn bản về

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	- Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng. - Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.	sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, ký hiệu, hình ảnh. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, ký hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, khoa học, nghệ thuật. - Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.	những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	- Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn. - Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.	- Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các thành viên của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...). - Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn.	- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp.	Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.	Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp	Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.	chung; khiếm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.	khiếm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.	Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
Hội nhập quốc tế	- Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới. - Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế	- Có hiểu biết cơ bản về quan hệ giữa Việt Nam với một số nước trên thế giới và về một số tổ chức quốc tế có quan hệ thường xuyên với Việt Nam.	- Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	tế theo hướng dẫn của nhà trường.	- Biết tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.	hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương. - Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.	Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.	Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	theo hướng dẫn.	đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.	và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn. - Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.	- Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp. - Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động. - Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.	- Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp. - Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. - Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
			- Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.	Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cẩn nhắc, chọn lọc; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ CỦA HỌC SINH

1. Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của học sinh bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, chương trình môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

2. Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với

đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Toán.

3. Năng lực khoa học

Năng lực khoa học của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó các môn học chủ đạo là: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý (ở cấp tiểu học); Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý (ở cấp trung học cơ sở); Vật lý, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông). Chương trình mỗi môn học, hoạt động giáo dục giúp học sinh tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu được nâng cao dần qua các cấp học (năng lực khoa học; năng lực

khoa học tự nhiên, năng lực khoa học xã hội; năng lực vật lý, năng lực hóa học, năng lực sinh học; năng lực lịch sử và địa lý, năng lực lịch sử, năng lực địa lý).

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý (ở cấp tiểu học); Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý (ở cấp trung học cơ sở); Vật lý, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông).

4. Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kỹ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ và được thực hiện ở chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục,

phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Công nghệ là chủ đạo.

5. Năng lực tin học

Năng lực tin học của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Tin học và được thực hiện trong toàn bộ các chương trình môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Tin học là chủ đạo.

6. Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thẩm mỹ của học sinh bao gồm năng lực âm nhạc, năng lực mỹ thuật, năng lực văn học; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngữ văn và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó ba môn học đã nêu là chủ đạo.

7. Năng lực thể chất

Năng lực thể chất của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Chăm sóc sức khỏe;
- Vận động cơ bản;
- Hoạt động thể dục, thể thao.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thể chất đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Giáo dục thể chất và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Giáo dục thể chất là chủ đạo.

C. THIẾT KẾ BÀI DẠY MINH HỌA

I. THIẾT KẾ BÀI DẠY 1

THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Nhận biết được đặc trưng của phương pháp thảo luận, tranh luận về một vấn đề xã hội.

- Biết đưa ra các phản biện với dẫn chứng, minh chứng cụ thể, chính xác.

- Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ có thể để truyền đạt thông tin đến người nghe.

- Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những ý kiến phản biện của người khác.

2. Phẩm chất

- Có thái độ đúng đắn với những vấn đề xã hội.

- Chủ động, tích cực trong các hoạt động học tập.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập.

- Bút màu, giấy A4, A0.

- Máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Học sinh biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: Học sinh dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm dự kiến: Học sinh vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi giáo viên đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- + Yêu cầu chung của hoạt động tranh luận có văn hóa?
- + Các bước tiến hành tranh luận?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Giáo viên gọi một số học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá kết quả của học sinh, trên cơ sở đó dẫn dắt học sinh vào bài học mới.
- Giáo viên nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

+ Có ba yếu tố quan trọng của một cuộc tranh luận có văn hóa:

- Điều kiện tiên quyết của một cuộc tranh luận đúng nghĩa là người tham gia tranh luận phải có tinh thần cầu thị.
- Tranh luận phải có tính học thuật, nghĩa là người tham gia tranh luận nên/phải tôn trọng thực tế khách quan, trình bày quan điểm có cơ sở lý luận hoặc cơ sở thực tế, có dẫn chứng minh họa.
- Tôn trọng đối phương khi tranh luận. Ngôn từ đúng mực, không được sử dụng những từ ngữ mang tính miệt thị, khiêu khích. Thể hiện quan điểm một cách ôn hòa trong giới hạn vấn đề đang được tranh luận.

+ Các bước tiến hành tranh luận:

- Bước 1: Xác định vấn đề tranh luận.
- Bước 2: Chuẩn bị các ý kiến tranh luận và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- Bước 3: Tham gia tranh luận.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Chuẩn bị nói và nghe

a) Mục tiêu:

- Rà soát lại các bước chuẩn bị cho cuộc tranh luận.

b) Nội dung:

- Học sinh chuẩn bị nội dung tranh luận.

- Giáo viên thiết kế phiếu đánh giá với những tiêu chí cần thiết để phát cho học sinh trong lớp.

c) Sản phẩm dự kiến: Các nội dung được chuẩn bị

d) Tổ chức thực hiện:

- Học sinh làm việc nhóm.

2.2. Thực hành nói và nghe

a) Mục tiêu:

- Biết tranh luận một vấn đề xã hội.

- Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn

b) Nội dung: Thực hành nói và nghe: Tranh luận về một vấn đề xã hội.

c) Sản phẩm dự kiến: Học sinh hoàn thành bài nói

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Học sinh thảo luận nhóm để lựa chọn một vấn đề xã hội có nhiều ý kiến trái chiều hoặc đang được quan tâm. - Các nhóm thống nhất lựa chọn vấn đề xã hội để tranh luận. - Học sinh chia thành 2 nhóm có ý kiến trái chiều nhau và chuẩn bị các ý kiến tranh luận, phản biện.	1. Thực hành nói và nghe - Các ý kiến tranh luận cần có đầy đủ lý lẽ, dẫn chứng. - Tránh gây không khí căng thẳng, mất đoàn kết. - Lưu ý về thời gian cho cuộc tranh luận. 2. Trao đổi - Dựa vào những tiêu chí đánh giá mà giáo viên đã nêu trước đó trên lớp, học sinh vừa nghe để

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
- Giáo viên lựa chọn 1 nhóm học sinh làm trọng tài cho cuộc tranh luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm lần lượt đưa ra ý kiến phản biện để bảo vệ quan điểm của nhóm mình và phản bác ý kiến của nhóm đối lập. - Nhóm trọng tài có nhiệm vụ điều khiển buổi tranh luận. Bước 3: Báo cáo kết quả - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. - Giáo viên quan sát, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên: nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	ghi chép những lý lẽ, dẫn chứng mà hai đội đưa ra, vừa đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí mà giáo viên nêu ra. - Giáo viên tổng kết lại giờ nói và nghe, ghi nhận những ưu điểm và điểm cần phải khắc phục của học sinh. - Lưu ý học sinh những cách ứng xử có văn hóa về một vấn đề xã hội.

3. Hoạt động 3: Luyện tập - Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Luyện nói về một vấn đề xã hội.

b) Nội dung: Học sinh hoàn thành bài viết

c) Sản phẩm dự kiến: Bài nói của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Học sinh lựa chọn 1 vấn đề xã hội.
- Chuẩn bị bài nói về vấn đề xã hội đã lựa chọn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm bài viết ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh nộp bài cho giáo viên.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh.

II. THIẾT KẾ BÀI DẠY 2

Chuyên đề: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

Dự án: Học tập trải nghiệm giáo dục

“BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ THÀNH CỔ LOA”

I. MỤC TIÊU

Khi học xong chuyên đề này, học sinh sẽ được hình thành và phát triển:

1. Kiến thức

- Nêu được ít nhất 3 thông tin về các đặc điểm lịch sử, văn hóa của quốc gia Âu Lạc thông qua hoạt động học tập trải nghiệm tại di sản văn hoá thành Cổ Loa.

- Trình bày được những đặc trưng của nhà nước cổ đại Âu Lạc và quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước.

- Mở rộng, liên hệ về các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam, từ đó nhận thức đúng về thành tựu của nền văn minh sông Hồng và sự ra đời của nhà nước Âu Lạc trong lịch sử Việt Nam.

- Rút ra được bài học kinh nghiệm và bài học cảnh giác của cha ông ta trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm; tự học và tự chủ; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong quá trình thực hiện dự án.

- Năng lực lịch sử:

+ Bước đầu nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, khai thác được tư liệu lịch sử về di sản văn hóa vật thể thành Cổ Loa ở Việt Nam trong quá trình học tập chuyên đề; có khả năng thực hành với đồ dùng trực quan (thông qua việc tìm hiểu về di sản, sử dụng lược đồ, xác định được vị trí của di sản, vẽ tranh về di sản...).

+ Vận dụng được kiến thức được học trong chuyên đề để giải quyết bài học thực tiễn lịch sử trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong thời điểm hiện tại.

3. Phẩm chất

Giáo dục tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm cho

học sinh đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

+ Yêu nước: Thông qua việc tìm hiểu về lịch sử hình thành, phát triển và tồn tại của di sản văn hóa thành Cổ Loa, học sinh tự hào về truyền thống và bề dày lịch sử của dân tộc ta suốt mấy ngàn năm qua.

+ Trách nhiệm: Học sinh có ý thức thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của một công dân đối với việc quảng bá hình ảnh di sản đến bạn bè trong và ngoài nước; đồng thời giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên

- Xây dựng kế hoạch trải nghiệm từ đầu năm học, thông qua tổ bộ môn và Ban giám hiệu nhà trường.

- Liên hệ với Ban quản lý di tích thành Cổ Loa để thống nhất về thời gian, nội dung buổi trải nghiệm; trao đổi với hướng dẫn viên tại di tích để thống nhất chương trình và hỗ trợ cho bài học trải nghiệm của giáo viên.

- Thông báo tới phụ huynh học sinh về chương trình trải nghiệm.

- Liên hệ thuê phương tiện, tính toán kinh phí, chuẩn bị một số đồ dùng cho buổi trải nghiệm...

2. Học sinh

- Thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của giáo viên.

- Chuẩn bị dụng cụ, trang phục theo kế hoạch trải nghiệm.

- Hoàn thành sản phẩm dự án.

- Báo cáo sản phẩm đầu ra.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động dự án học tập trải nghiệm giáo dục “Bảo tồn di sản văn hoá thành Cổ Loa”

1.1. Mục tiêu: Xác định được tên chủ đề dự án, các tiểu chủ đề và mục đích của dự án. Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng đề cương dự án.

1.2. Nội dung: Học sinh theo dõi video về “Nhà nước Âu Lạc” mà giáo viên đã chuẩn bị, hoàn thành bảng hỏi KWL (Know - What - Learn).

1.3. Sản phẩm dự kiến: Học sinh xác định được nội dung liên quan đến hình ảnh nhà nước Âu Lạc xuất hiện trong video; từ đó, giáo viên định hướng nội dung cơ bản của chủ đề.

1.4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên cho học sinh xem video, sau đó thảo luận xoay quanh nội dung vừa xem theo gợi ý, hướng dẫn và giáo viên đặt câu hỏi: *Nội dung video gợi cho em suy nghĩ gì?*

 KNOW Em đã biết gì về di tích thành Cổ Loa?	 WANT Em muốn biết thêm gì về di tích?	LEARN Sau hoạt động trải nghiệm này, em đã học được gì?
..... 		

- Sau khi học sinh điền xong 2 cột đầu của bảng hỏi KWL, cột thứ 3 (LEARN) có thể để lại và hoàn thành sau buổi trải nghiệm. Giáo viên nhận xét và gợi ý: Với những gì các em đã biết, muốn biết và sẽ được biết, chúng ta cùng thống nhất lựa chọn, xây dựng và thực hiện chủ đề dự án là **Học tập trải nghiệm giáo dục “Bảo tồn di sản văn hoá thành Cổ Loa”** thông qua hình thức hoạt động trải nghiệm thực tế.

- Sau khi thống nhất chủ đề, giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh. Cụ thể:

- + Nhóm 1: Thành Cổ Loa xưa và nay.
- + Nhóm 2: Nghệ thuật quân sự và vũ khí của nhà nước Âu Lạc.
- + Nhóm 3: Lễ hội Cổ Loa với việc bảo tồn giá trị di sản.
- + Nhóm 4: Đề xuất các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Trong quá trình thực hiện dự án, giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận, xác định nhiệm vụ cụ thể:

Nhóm 1: Tìm hiểu về thành Cổ Loa: An Dương Vương và quá trình xây dựng thành Cổ Loa diễn ra như thế nào? Cấu trúc của thành có gì đặc biệt? Ý nghĩa của công trình kiến trúc độc đáo này là gì? Gắn với việc xây thành là sự tích nào? Những dấu tích thành Cổ Loa còn hiện hữu đến ngày nay.

Nhóm 2: Tìm hiểu về vũ khí và nghệ thuật quân sự của nhà nước Âu Lạc: tên gọi, đặc điểm, cách chế tạo, cách sử dụng, hiệu quả của các loại vũ khí, nghệ thuật quân sự An Dương Vương, bài học cảnh giác đối với hậu thế về dựng nước và giữ nước từ thời Âu Lạc.

Nhóm 3: Tìm hiểu về lễ hội Cổ Loa ngày nay: Lịch sử ra đời của lễ hội (thời gian, quá trình hình thành và phát triển của lễ hội...)? Nghi thức tiến hành lễ hội? Giá trị và ý nghĩa của lễ hội xưa và nay?

Nhóm 4: Đề xuất biện pháp khả thi nhằm phát huy và bảo tồn giá trị di sản văn hóa thành Cổ Loa: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ di sản, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của di sản đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Bước 3: Sản phẩm dự kiến

Sau khi đã phân công nhiệm vụ cụ thể, giáo viên hướng dẫn học sinh lập kế hoạch để thực hiện dự án. Để đánh giá khách quan về hiệu quả làm việc của các nhóm, giáo viên

đưa ra các tiêu chí đánh giá việc thực hiện dự án, đồng thời công khai để học sinh dựa theo những tiêu chí đó xây dựng và hoàn thành dự án.

Dựa trên hướng dẫn của giáo viên, học sinh xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ đến các thành viên nhóm mình. Từ nguồn sử liệu mà giáo viên cung cấp, đồng thời với sự chủ động tìm kiếm sử liệu của học sinh qua thông tin, hình ảnh trên mạng Internet và trải nghiệm thực tế tại khu di tích thành Cổ Loa..., các nhóm dự kiến sản phẩm đầu ra cho dự án:

1. Nhóm 1: Tập san về Cổ Loa xưa và nay.

2. Nhóm 2: Đóng vai nhà sử học tọa đàm: “Vũ khí và nghệ thuật quân sự của nhà nước Âu Lạc - Vai trò của An Dương Vương trong lịch sử dân tộc”.

3. Nhóm 3: Thiết kế một tour du lịch về Cổ Loa dưới dạng Infographic (đặc biệt quảng bá lễ hội Cổ Loa).

4. Nhóm 4: Bài thuyết trình biện pháp bảo tồn di sản văn hoá thành Cổ Loa.

Bước 4: Báo cáo nhanh tiến độ thực hiện dự án trước khi diễn ra hoạt động trải nghiệm thực tế, giáo viên bổ sung và tiếp tục hướng dẫn (lần 1).

2. Hoạt động 2: Thực hiện dự án thông qua kế hoạch trải nghiệm thực tế

2.1. Mục tiêu: Học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế tại di tích, từ đó hiểu và tự hào về thời kỳ xây dựng thành Cổ Loa của An Dương Vương.

2.2. Nội dung hoạt động:

- Học sinh được trực tiếp trải nghiệm, học tập tại di sản: được nghe hướng dẫn viên thuyết minh, trao đổi, thảo luận, thỏa mãn sự tò mò về các truyền thuyết liên quan đến di sản.

- Học sinh ghi chép lại những thông tin thu thập được để làm tư liệu hoàn thành sản phẩm nhóm, bài thu hoạch cá nhân.

2.3. Sản phẩm dự kiến: Những tư liệu (hình ảnh hoặc ghi chép) mà học sinh của mỗi lớp thu thập được để hoàn thành sản phẩm của tập thể.

2.4. Tổ chức thực hiện: Thực hiện theo lịch trình đã được thống nhất và phê duyệt của Ban giám hiệu.

Lịch trình chi tiết cho hoạt động trải nghiệm thực tế tại Cổ Loa

Thời gian	Hoạt động trải nghiệm	Địa điểm	Người phụ trách
8h00 - 8h15	- Học sinh tập trung theo nhóm. - Điểm danh. - Dẫn dò, phổ biến lịch trình cụ thể.	Sân trường	- Giáo viên chủ nhiệm - Giáo viên lịch sử
8h15 - 8h45	- Phát phiếu học tập. - Xe di chuyển.		
8h45 - 9h45	- Làm lễ dâng hương. - Nghe thuyết minh về lịch sử: Nhà nước Văn Lang,	- Đền thờ An Dương Vương - Thành Cổ Loa	

Thời gian	Hoạt động trải nghiệm	Địa điểm	Người phụ trách
	Ấu Lạc, An Dương Vương xây thành Ốc, đọc và khám phá, tìm kiếm bổ sung các thông tin cho nhiệm vụ của dự án đã chuẩn bị trước dựa vào các Pano, học sinh lắng nghe và ghi chép vào phiếu học tập. Giáo viên lịch sử kết hợp với hướng dẫn viên quan sát, đánh giá, nhận xét về sự sáng tạo nghệ thuật gắn liền với văn hóa, tín ngưỡng tâm linh, biểu tượng, hoa văn trang trí tại di sản.	- Đình Ngự triều Di quy - Nhà trưng bày	
9h45 - 11h00	- Hoạt động trải nghiệm: + Đóng oản xôi lá mít dâng vua, tìm hiểu về nguyên liệu, kỹ thuật và chất liệu độc đáo của oản lá mít và gỗ mít trong việc làm đồ thờ cúng. + Đắp thành bằng cát.		Khu “không gian Việt”
11h00 - 13h30	Ăn trưa và nghỉ ngơi tại chỗ.		
13h30 - 15h00	- Hoạt động trải nghiệm chia theo lớp thực hiện: + Bắn nỏ. + Lắp ghép tranh, hoặc vẽ tranh chủ đề về di sản văn hóa thành Cổ Loa. + Tổ chức trò chơi tập thể: kéo co.		

Thời gian	Hoạt động trải nghiệm	Địa điểm	Người phụ trách
15h00 - 15h30	Tổng hợp thông tin theo lớp, phục vụ cho việc hoàn thiện sản phẩm đầu ra.		
15h30 - 16h00	Học sinh tham quan tự do, mua sắm các sản phẩm lưu niệm, biểu tượng về Cổ Loa, mua sắm nông sản địa phương, chụp ảnh...		Khu di tích Cổ Loa
16h00	Kết thúc chương trình trải nghiệm, học sinh lên xe di chuyển về trường.		

3. Hoạt động 3: Tổ chức học sinh báo cáo sản phẩm đầu ra

3.1. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về thành Cổ Loa xưa và nay; Cấu trúc của thành; An Dương Vương xây thành; Nghệ thuật quân sự và vũ khí của nhà nước Âu Lạc, vai trò của An Dương Vương, biện pháp bảo tồn di sản... theo nội dung từng nhóm đã được giao tìm hiểu trước đó.

3.2. Nội dung:

- Từng nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.
- Học sinh nhóm khác theo dõi, thảo luận, trao đổi, đại diện các nhóm nhận xét, đóng góp ý kiến về kết quả sản phẩm. Giáo viên cho điểm sau khi đã thống nhất.

3.3. Sản phẩm dự kiến: Tập san, kịch bản đóng vai, tour du lịch bằng Infographic, bài thuyết trình... của từng nhóm.

3.4. Nhận xét đánh giá

- Giáo viên nhận xét về tinh thần làm việc trong quá trình triển khai dự án.

- Thống nhất trên các tiêu chí đánh giá trước đó, kết hợp sản phẩm đầu ra, cho điểm theo nhóm.

4. Hoạt động 4: Hoạt động luyện tập

4.1. Mục tiêu: Giải thích và khái quát được tầm quan trọng về giá trị của di sản văn hóa thành Cổ Loa nói riêng và các di sản khác đối với lịch sử dân tộc.

4.2. Nội dung: Giáo viên tổ chức trò chơi “Đi tìm di sản”.

4.3. Sản phẩm dự kiến: Học sinh trả lời các câu hỏi để lật mở về các di sản khác từ mảnh ghép.

4.4. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên thiết kế sẵn những hình ảnh về các di sản khác bằng Powerpoint để trình chiếu.

- Mỗi mảnh ghép ẩn chứa một câu hỏi về di sản đó (khoảng 3 di sản).

- Các đội chơi suy nghĩ trong 10 giây và đưa ra đáp án.

- Đội trả lời đúng được 10 điểm. Kết thúc trò chơi, đội thắng được phần quà từ giáo viên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh các đội tham gia trò chơi.

Bước 3: Sản phẩm dự kiến: Học sinh trả lời các câu hỏi tương đương với các mảnh ghép để đi tìm di sản.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- Học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời cho nhau.
- Giáo viên nhận xét sự tham gia của các đội chơi, tìm ra đội nhất để trao thưởng.

5. Hoạt động 5: Hoạt động vận dụng và mở rộng

5.1. Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học trong dự án để liên hệ rút ra trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa ở Việt Nam.

5.2. Nội dung: Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài tập thực hành liên hệ kiến thức rút ra trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.

5.3. Sản phẩm dự kiến: Học sinh hoàn thành bài tập thực hành.

5.4. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Viết 1 đoạn văn ngắn không quá 350 từ giới thiệu một di sản văn hóa khác ở Việt Nam mà học sinh yêu thích và muốn tìm hiểu.

(Gợi ý: Bài giới thiệu nêu được: Tên di sản; Những giá trị của di sản; Thực trạng di sản; Đề xuất ít nhất 1 giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của di sản đó...).

- Thời gian thực hiện: 1 tuần.
- Hạn nộp: tiết học tiếp theo.

PHIẾU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN ĐỐI VỚI HỌC SINH

Mẫu kế hoạch thực hiện dự án (theo nhóm)

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN Trường:.....Lớp:..... Nhiệm vụ chung:.....					
Tên thành viên	Nhiệm vụ	Phương tiện/ phương pháp thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Đánh giá

Mẫu kế hoạch thực hiện dự án (cá nhân)

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN Trường:.....Lớp:..... Họ và tên:..... Nhiệm vụ:.....					
Thời gian	Nhiệm vụ	Người hợp tác	Địa điểm	Sản phẩm dự kiến	Đánh giá

Mẫu nhật ký theo dõi hoạt động của học sinh (dành cho giáo viên)

NHẬT KÝ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH Trường:.....Lớp:..... Họ và tên giáo viên:.....				
Thời gian	Nhóm học sinh	Nhiệm vụ	Nội dung học sinh hỏi	Giáo viên giải đáp

Mẫu tiêu chí đánh giá sản phẩm của dự án

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN Trường:..... Lớp:.....					
STT	Tiêu chí	Mức độ			Đánh giá
		Tốt	Đạt	Không đạt	
1	Nội dung				
2	Hình thức				

Mẫu đánh giá mức độ tham gia dự án của học sinh

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THAM GIA DỰ ÁN CỦA HỌC SINH					
Trường:.....Lớp:.....					
Họ và tên học sinh:.....					
Họ và tên giáo viên:.....					
STT	Tiêu chí	Mức độ			Đánh giá
		Tốt	Đạt	Không đạt	
1	Xác định được nhiệm vụ của lớp và cá nhân				
2	Khả năng tham gia vào hoạt động nhóm				
3	Hoàn thành đúng kế hoạch nhiệm vụ được giao				
4	Tham gia vào quá trình hoàn thiện sản phẩm				
5	Tham gia vào quá trình báo cáo sản phẩm				

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	
VỀ KỸ NĂNG SỐNG VÀ GIÁO DỤC	
KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH	7
I. QUAN NIỆM VỀ KỸ NĂNG SỐNG	7
1. Khái niệm	7
2. Mối quan hệ giữa kỹ năng sống và giá trị sống	11
3. Phân loại kỹ năng sống	15
II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIÁO DỤC	
KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH	45
1. Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với học sinh trong các cơ sở giáo dục	45
2. Giáo dục kỹ năng sống gắn liền với mục tiêu xây dựng xã hội học tập và hệ thống học tập suốt đời	48
3. Giáo dục kỹ năng sống nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	49
4. Giáo dục kỹ năng sống là xu thế chung của nhiều nước trên thế giới	52

Phần thứ hai

**ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG GIÁO DỤC
KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

60

**I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH**

60

**II. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA GIÁO
DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

61

1. Đảm bảo tính mục đích của giáo dục kỹ năng sống

62

2. Đảm bảo sự tương tác

62

3. Đảm bảo được trải nghiệm

63

4. Đảm bảo tính quá trình

63

5. Đảm bảo thay đổi hành vi

64

6. Đảm bảo thời gian và môi trường giáo dục kỹ
năng sống

65

**III. NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH**

66

1. Đối với trẻ mầm non

66

2. Đối với học sinh tiểu học

67

3. Đối với học sinh trung học (bao gồm trung học
cơ sở và trung học phổ thông)

67

Phần thứ ba

**TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

68

**I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH
CỰC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG GIÁO DỤC KỸ
NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH**

68

1. Phương pháp thảo luận nhóm

70

2. Phương pháp trò chơi	73
3. Phương pháp phân tích nêu vấn đề	75
4. Phương pháp rèn luyện theo mẫu	76
5. Thiết kế bản đồ tư duy	76
II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC	78
1. Kỹ thuật chia nhóm	78
2. Kỹ thuật giao nhiệm vụ	80
3. Kỹ thuật đặt câu hỏi	81
4. Kỹ thuật “Khăn trải bàn”	84
5. Kỹ thuật “Phòng tranh”	84
6. Kỹ thuật “Công đoạn”	85
7. Kỹ thuật các “Mảnh ghép”	86
8. Kỹ thuật động não	87
9. Kỹ thuật “Trình bày 1 phút”	89
10. Kỹ thuật “Chúng em biết 3”	90
11. Kỹ thuật “Hỏi và trả lời”	91
12. Kỹ thuật “Hỏi chuyên gia”	91
13. Kỹ thuật “Bản đồ tư duy”	92
14. Kỹ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”	92
15. Kỹ thuật “Viết tích cực”	93
16. Kỹ thuật “Đọc hợp tác” (Đọc tích cực)	94
17. Kỹ thuật “Nói cách khác”	95
18. Kỹ thuật phân tích phim	95
19. Kỹ thuật tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm	96
III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN MỘT BÀI DẠY HỌC CÓ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG	97

IV. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH	103
1. Tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các môn học	103
2. Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống	131
<i>Phụ lục</i>	141

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BẾ

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ ThS. HOÀNG NGỌC ĐIỆP
Trình bày bìa:	ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ THU THẢO
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	HOÀNG NGỌC ĐIỆP

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS.TS. Hoàng Bá Thịnh

- BIẾN ĐỔI GIA ĐÌNH VIỆT NAM
TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

TS. Trần Việt Hà (Chủ biên)

- AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH
TOÀN CẦU HÓA

TS. Trần Thị Thơm

- ĐẠO LÀM NGƯỜI TRONG TỤC NGŨ,
CA DAO VIỆT NAM



**MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH**



SÁCH KHÔNG BÁN